



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO



BẢN TIN

KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 4/2024



MỤC LỤC



PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 3/2024 và Quý I/2024	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	3
2. Dự báo tăng trưởng	9
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	11
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 3/2024	11
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	11
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	12
1.1.2. Xuất nhập khẩu	12
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	14
1.1.4. Hoạt động đầu tư	15
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	16
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	17
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	17
1.2.2. Lãi suất	17
1.2.3. Tỷ giá	18
1.2.4. Giá vàng	18
1.2.5. Chứng khoán	19
1.2.6. Lạm phát	20
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	21
2.1. Về chủ trương, chính sách	21
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	24
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	26
1. Thị trường dầu thô	26
2. Thị trường khí	31
3. Thị trường phân bón	34
4. Thị trường điện	37
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	39
Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 3 năm 2024	40



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 3/2024 VÀ QUÝ I/2024

1.1. Tổng quan chung

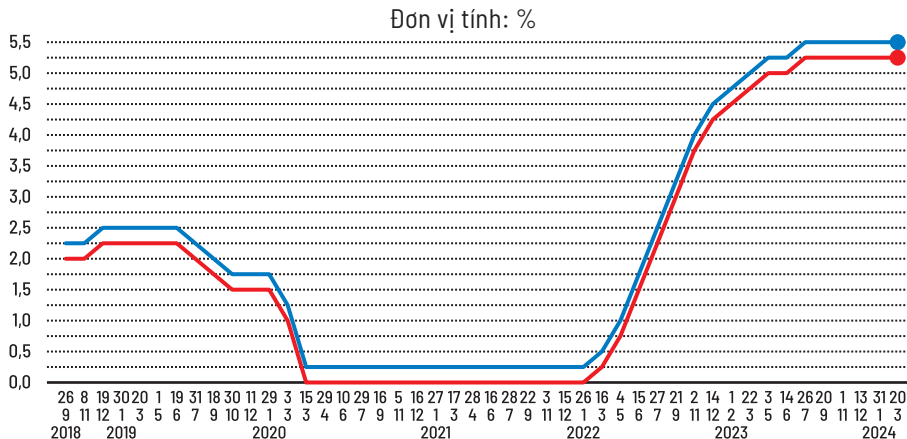
PMI sản xuất tháng 3/2024 đạt mức 50,6 - tăng 0,3 điểm từ mức 50,3 tháng 02/2024, là mức cao nhất kể từ tháng 7/2022. Ba trong số các chỉ số phụ PMI báo hiệu sự mở rộng (đơn đặt hàng, sản lượng và việc làm). Ngược lại, thời gian giao hàng tăng làm giảm hiệu quả hoạt động của ngành sản xuất.

Tốc độ tăng trưởng trong sản xuất toàn cầu tăng tốc lên mức nhanh nhất kể từ tháng 6 năm 2022, khi dòng đơn đặt hàng mới được tăng cường. Sự gia tăng sản lượng cũng được mở rộng bởi cả quốc gia và khu vực, với sự mở rộng ở hàng tiêu dùng, hàng trung gian và hàng đầu tư.

Trong tháng 3, kinh tế thế giới mặc dù phục hồi chậm, không đều giữa các khu vực nhưng lạm phát đã qua giai đoạn lạm phát cao và đang dần hạ nhiệt, nhiều nền kinh tế đã có xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ.

Một loạt các ngân hàng trung ương tại các nền kinh tế thị trường mới nổi như Brazil, Mexico, Hungary và Cộng hòa Séc... đều đã cắt giảm lãi suất. Trong khi đó, các nền kinh tế lớn trên thế giới vẫn tạm thời giữ quan điểm thận trọng. Ngày 20/3, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định tiếp tục giữ nguyên lãi suất trong phạm vi 5,25-5,50%. Cùng với quyết định này, các quan chức Fed cũng giữ nguyên dự kiến 3 đợt cắt giảm 0,25 điểm phần trăm trong năm nay.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT FED QUA CÁC NĂM



Nguồn: Fed

Đồng quan điểm với Fed, các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới như Ngân hàng trung ương châu Âu (ECB), Ngân hàng trung ương Anh (BoE), Ngân hàng trung ương Úc (RBA)... đều công bố tạm thời giữ nguyên lãi suất trong tháng 3.

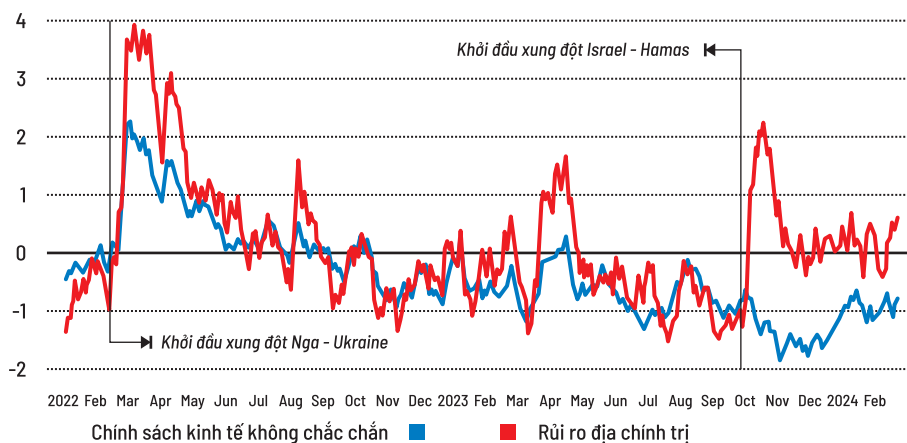
Bên cạnh đó, nền kinh tế toàn cầu trong tháng qua đang chứng tỏ được sự vững vàng trước biến động của lãi suất đi vay, nên tâm lý các nhà đầu tư có được sự khởi sắc. Hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) đã phục hồi trở lại, theo dữ liệu từ Dealogic, tổng giá trị M&A trên toàn cầu đã tăng 30% lên khoảng 755,1 tỷ USD trong quý I/2024. Số lượng các thương vụ giao dịch trị giá hơn 10 tỷ USD đã tăng lên 14 thương vụ, so với chỉ 5 thương vụ vào cùng kỳ năm ngoái.

Trong bối cảnh niềm tin của các nhà quản trị đã được cải thiện thì nhu cầu vay nợ cũng có xu hướng gia tăng, nhất là ở các nền kinh tế mới nổi, điều này cũng làm tăng nguy cơ vỡ nợ khi mà nợ toàn cầu hiện nay vẫn đang ở mức cao kỷ lục.

Cuộc chiến Israel-Hamas đang làm tăng thêm sự phức tạp cho môi trường địa chính trị toàn cầu. Bên cạnh xung đột Nga - Ukraina và sự cạnh tranh Mỹ-Trung, sẽ dẫn đến sự phân mảnh và khu vực hóa nhiều hơn trong nền kinh tế thế giới, làm ảnh hưởng đến tiềm năng tăng trưởng.

RỦI RO ĐỊA CHÍNH TRỊ TIẾP TỤC LÀ NGUỒN ẢNH HƯỞNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

(Chỉ số: Trung bình từ năm 2019 = 0, trung bình chuyển động 28 ngày)



Nguồn: ELP AIS

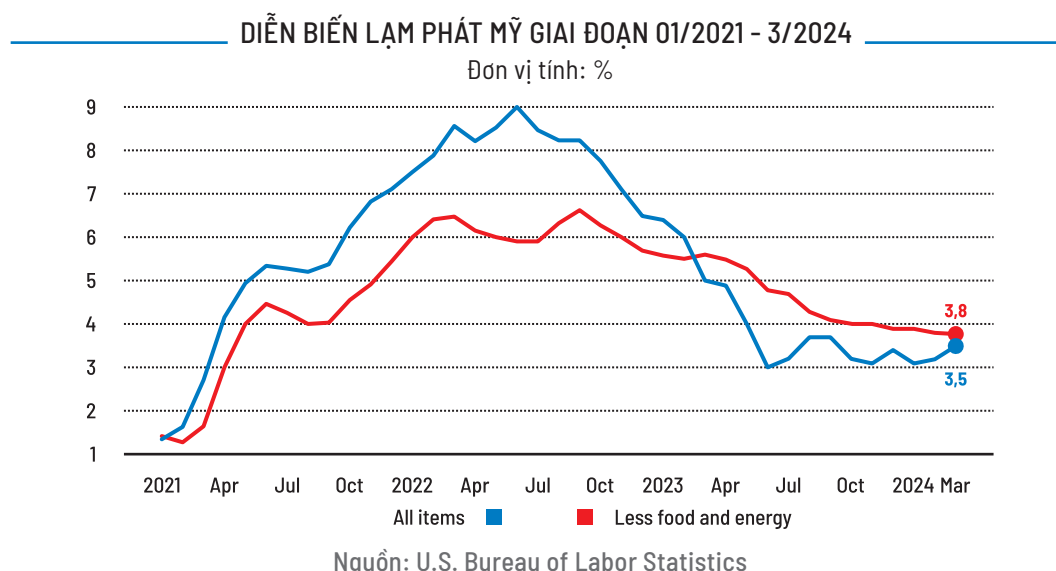
Ngoài ra, kinh tế toàn cầu vẫn đối mặt với nhiều yếu tố rủi ro bất định như căng thẳng địa chính trị, thời tiết cực đoan gây hệ lụy nghiêm trọng đến an ninh năng lượng, lương thực, đứt gãy chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng suy giảm. Đáng chú ý, trong đó tác động của cuộc khủng hoảng Biển Đỏ đối với các mặt hàng chủ chốt như dầu khí, lương thực... hiện vẫn còn tương đối hạn chế, nhưng rủi ro an ninh của tuyến đường này đã truyền sang các tuyến khác, dẫn đến phản ứng dây chuyền, làm chi phí vận tải biển tăng vọt, về lâu dài sẽ gây ra áp lực lớn về giá lên các thị trường toàn cầu.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

▪ Mỹ

Chỉ số PMI sản xuất tháng 3/2024 ở mức 51,9 - giảm 0,3 điểm so với 52,2 vào tháng 02/2024. Sự tăng trưởng cho thấy điều kiện hoạt động sản xuất tiếp tục được mở rộng với tốc độ mạnh nhất trong gần hai năm nhờ việc cải thiện nhu cầu đơn đặt hàng mới.

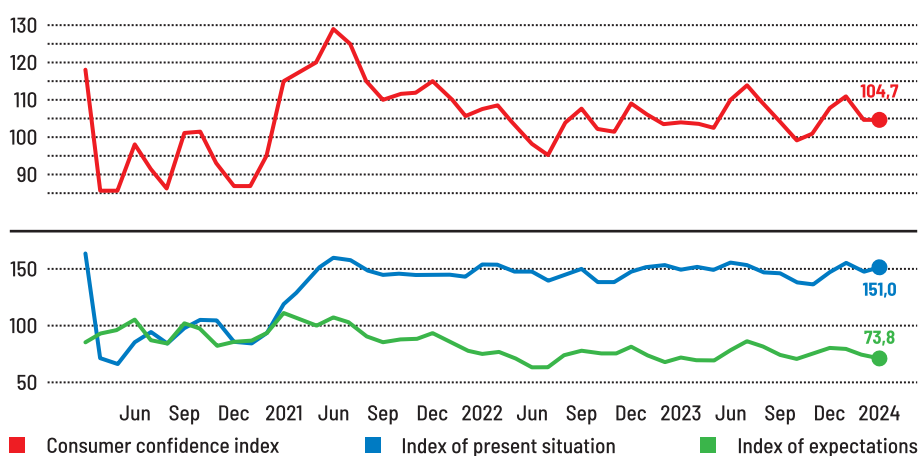
Theo báo cáo của Cục Thống kê Lao động Mỹ (BLS) ngày 10/04, trong tháng 3/2024, chỉ số CPI Mỹ tăng 0.4% so với tháng trước và tăng 3.5% so với cùng kỳ, đều cao hơn dự báo của các chuyên gia lần lượt là 0.3% và 3.4%. Con số tháng 3 cũng cao hơn 0.3 điểm phần trăm so với tháng 2, cho thấy lạm phát đã tăng tốc trở lại. Thống kê này đang làm dấy lên hoài nghi về khả năng Fed sẽ bắt đầu cắt giảm lãi suất vào tháng 6/2024.



Hoạt động kinh doanh tại Mỹ đã ổn định, lạm phát cũng chậm lại đáng kể so với đỉnh 40 năm vào hè năm ngoái. Tuy nhiên, giá cả vẫn ở mức cao và chi phí vay tăng vọt đang ảnh hưởng đến sức mua của người dân Mỹ.

Chỉ số niềm tin tiêu dùng Mỹ đã giảm xuống 104,7 từ mức 104,8 một tháng trước đó. Ước tính trung bình trong một cuộc khảo sát của Bloomberg đối với các nhà kinh tế cho thấy con số là 107. Một chỉ số khác đo lường kỳ vọng của người tiêu dùng trong tương lai giảm xuống 73,8, mức thấp nhất kể từ tháng 10, trong khi chỉ số đo lường tâm lý thời điểm hiện tại tăng lên 151.

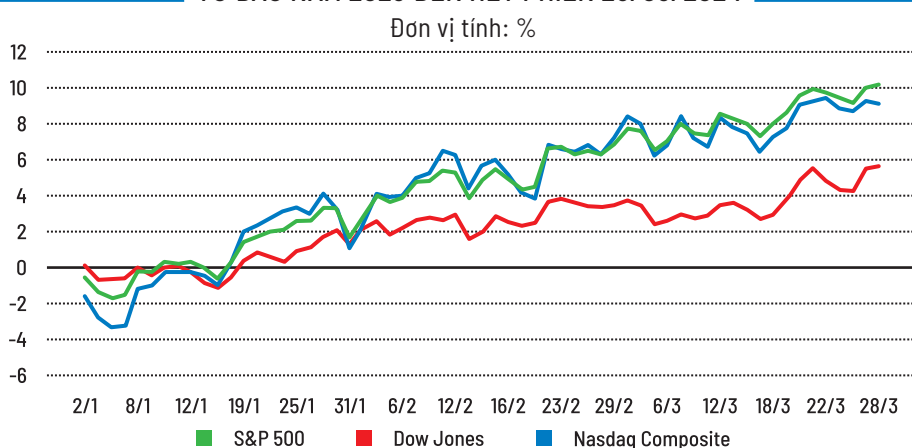
DIỄN BIẾN CHỈ SỐ NIỀM TIN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG MỸ TỪ NĂM 2020 ĐẾN NAY



Nguồn: Conference Board, Bloomberg

Trong tháng qua nền kinh tế Mỹ tiếp tục ghi nhận nhiều tín hiệu lạc quan như tỷ lệ thất nghiệp của nước này giữ ở mức thấp, sự sụt giảm nghiêm trọng của giá khí đốt tự nhiên giúp cắt giảm một số chi phí năng lượng cho cả người tiêu dùng và nhà sản xuất, lĩnh vực công nghiệp xuất hiện nhiều dấu hiệu phục hồi với chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất tại Mỹ đạt 52,5 điểm trong tháng 3, tăng nhẹ từ mức 52,2 điểm của tháng 2 và đồng thời cao hơn mức 51,8 điểm theo dự báo. Đặc biệt, các chỉ số chính của thị trường chứng khoán Mỹ như chỉ số Dow Jones, chỉ số S&P 500, chỉ số Nasdaq trong tháng 3 đã liên tục tăng điểm mạnh và thiết lập những kỷ lục mới.

BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN MỸ
TỪ ĐẦU NĂM 2023 ĐẾN HẾT PHIÊN 28/03/2024



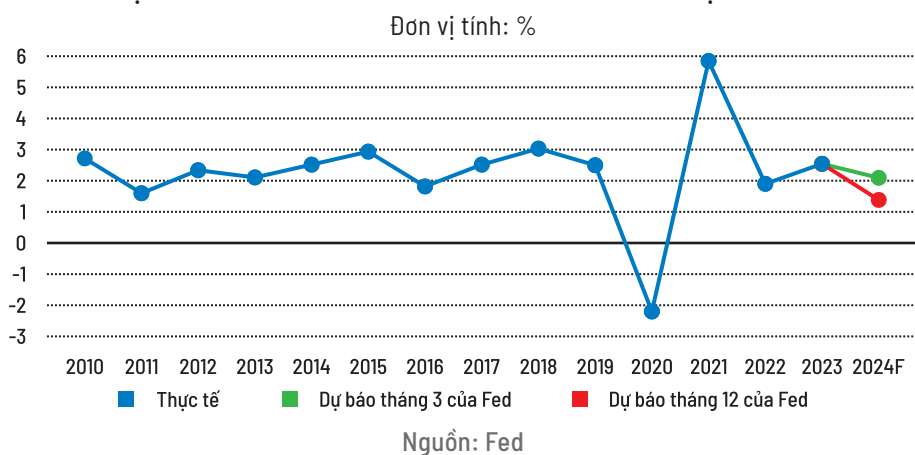
Nguồn: CNBC

Mặc dù rủi ro suy thoái đã giảm bớt, song kinh tế Mỹ vẫn phải đối mặt với những khó khăn như thị trường bất động sản vẫn phòng trì trệ, tốc độ tăng của nợ công Mỹ ngày càng nhanh, các khoản nợ thẻ tín dụng tăng mạnh đặt gánh nặng lên ngân sách của các gia đình và gây bất lợi đối với nền kinh tế Mỹ trong tương lai.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2024

Ngày 20/3, Fed đã nâng dự báo về tăng trưởng GDP trong năm 2024 của Mỹ lên 2,1%, cao hơn nhiều so với dự báo 1,4% hồi tháng 12/2023.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ HÀNG NĂM CỦA MỸ VÀ DỰ BÁO CỦA FED



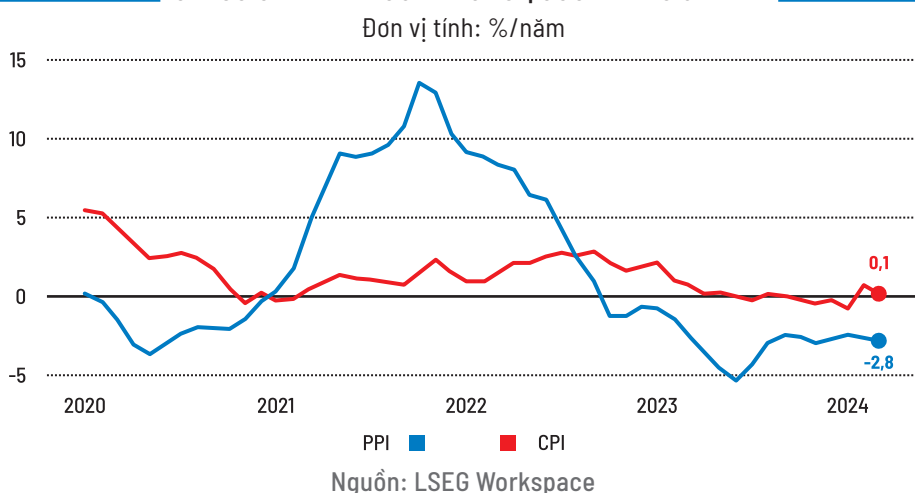
▪ Trung Quốc

PMI sản xuất tháng 3/2024 tăng 0,2 điểm, lên mức 51,1 từ mức 50,9 vào tháng 02/2024. Các điều kiện trong lĩnh vực sản xuất ở Trung Quốc tiếp tục được cải thiện vào cuối Quý I/2024 nhờ số lượng công việc mới gia tăng, bao gồm cả từ nước ngoài. Chi phí đầu vào giảm lần đầu tiên sau 8 tháng, nâng cao lợi thế cạnh tranh cho các nhà sản xuất Trung Quốc

Bên cạnh đó, lạm phát tiêu dùng của Trung Quốc hạ nhiệt hơn dự kiến trong tháng 3, trong khi giảm phát giá sản xuất vẫn tiếp diễn, gây áp lực buộc các nhà hoạch định chính sách phải đưa ra nhiều biện pháp kích cầu hơn khi nhu cầu vẫn yếu.

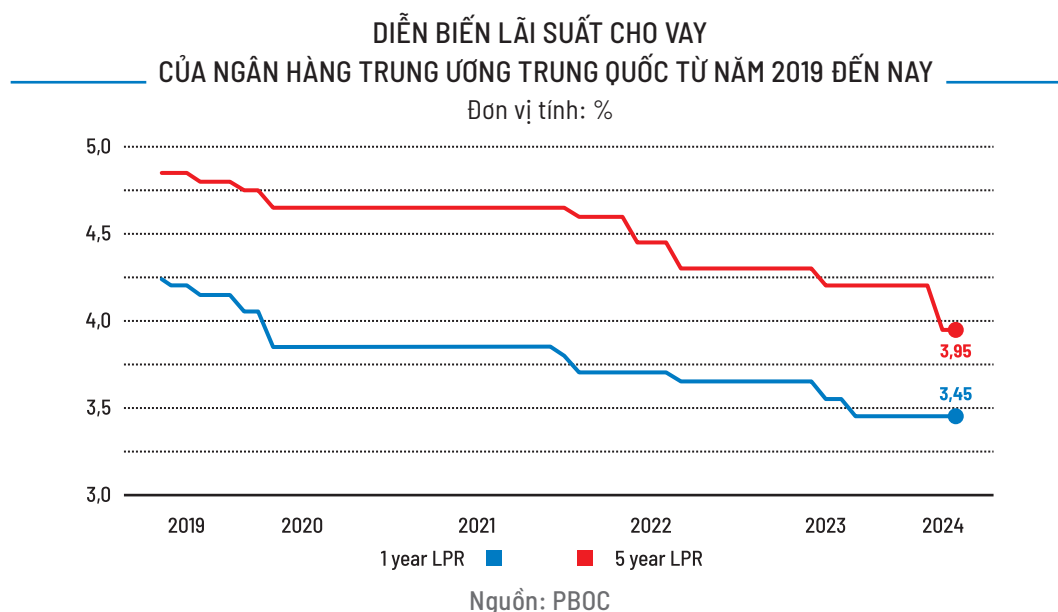
Dữ liệu của Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS) cho thấy **CPI tăng 0,1% trong tháng 3 so với cùng kỳ, thấp hơn so với mức tăng 0,7% trong tháng 2/2024.** Những áp lực giảm phát ở Trung Quốc có dấu hiệu dần giảm bớt, mặc dù cuộc khủng hoảng bất động sản vẫn chưa kết thúc.

CHỈ SỐ CPI VÀ PPI CỦA TRUNG QUỐC THÁNG 3/2424



Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đã chậm lại, áp lực giảm phát vẫn kéo dài khi nhu cầu trong nước ảm đạm do tình trạng giá bất động sản vẫn tiếp tục giảm sâu và niềm tin của người tiêu dùng suy yếu. Bên cạnh đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Trung Quốc tiếp tục có xu hướng giảm mạnh. Điểm sáng của nền kinh tế Trung Quốc trong tháng qua là đã có nhiều tín hiệu tăng trưởng tích cực từ sản xuất và xuất nhập khẩu.

Trong tháng 3, Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBOC) tiếp tục duy trì các điều kiện tiền tệ lỏng lẻo nhất có thể để giúp thúc đẩy phục hồi kinh tế. Các ngân hàng nhà nước đã liên tục có nhiều biện pháp để tăng cường hỗ trợ tài chính cho các nhà phát triển bất động sản. Tuy nhiên, tình trạng suy thoái bất động sản kéo dài đã tác động tiêu cực đến lợi nhuận và chất lượng tài sản của các ngân hàng lớn Trung Quốc khi các khoản nợ xấu của họ ngày càng gia tăng. Ngày 20/3, PBOC đã tuyên bố giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản ở mức cố định hàng tháng, lãi suất cho vay kỳ hạn 1 năm giữ nguyên ở mức 3,45% và lãi suất cho vay kỳ hạn 5 năm duy trì ở mức 3,95%.



Bên cạnh những hỗ trợ về chính sách tiền tệ, chính phủ Trung Quốc cũng đang áp dụng nhiều chính sách ưu tiên phát triển thương mại với các nước láng giềng, đặc biệt là thương mại điện tử tại khu vực biên giới trong khu vực Đông Nam Á. Ngoài ra do phải đối mặt với những thách thức như dân số già và tỷ lệ thất nghiệp ở thanh niên cao, đang khiến các nhà lãnh đạo Trung Quốc tập trung nhiều hơn vào việc thúc đẩy sản xuất xuất khẩu để bù đắp cho nhu cầu yếu trong nước.

Về định hướng trong thời gian tới, Trung Quốc đặt mục tiêu tăng trưởng GDP khoảng 5% trong năm 2024 và cam kết chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Ngoài ra, Trung Quốc cũng sẽ tiếp tục duy trì chính sách tài khóa chủ động, với tỷ lệ thâm hụt ngân sách tính trên Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong năm 2024 dự kiến khoảng 3%.

▪ EU

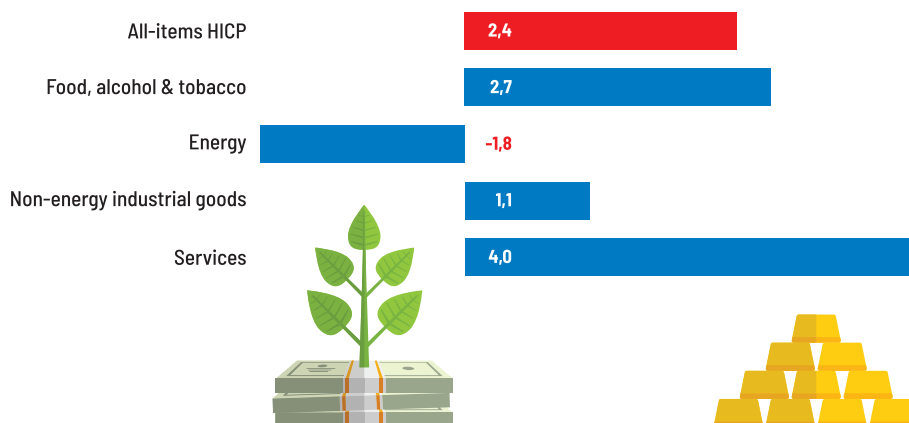
PMI sản xuất tháng 3/2024 đạt là 46,1 điểm, giảm 0,4 điểm, từ 46,5 trong tháng 2 xuống mức thấp nhất trong 3 tháng. Sự sụt giảm là do sự biến động trong hai thành phần nhỏ nhất của chỉ số - thời gian giao hàng của nhà cung cấp và tồn kho. Thời kỳ suy giảm đã kéo dài gần một năm, tuy nhiên mức độ suy giảm đã chậm lại trong 3 tháng đầu năm 2024.

CPI tăng 2,4% trong tháng 3/2024, giảm từ mức 2,6% trong tháng 2/2024 và thấp hơn mức dự báo trước đó (dự báo tăng 2,5%).

Lạm phát tại khu vực đồng Euro giảm nhanh hơn dự kiến, củng cố triển vọng cắt giảm lãi suất của Ngân hàng Trung ương châu Âu vào tháng 6.

LẠM PHÁT EU THÁNG 3/2024

Đơn vị tính: %

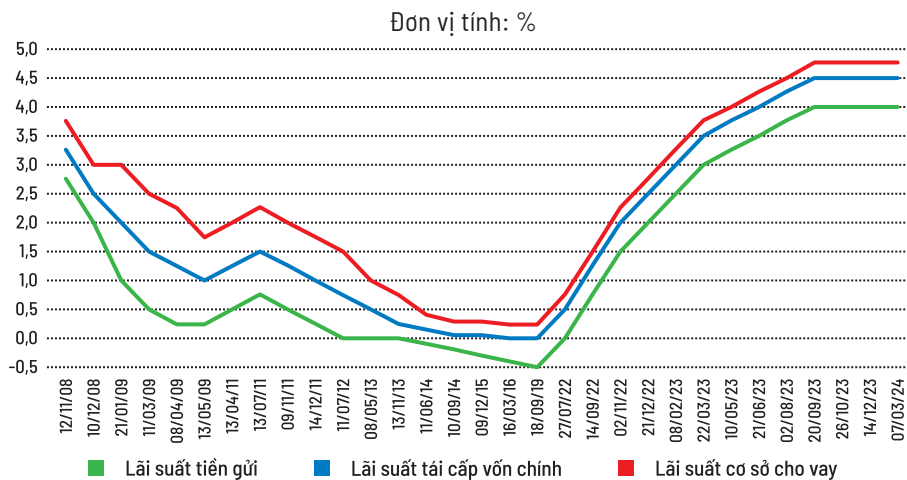


Nguồn: Eurostat

Tại khu vực châu Âu (EU), mặc dù hầu hết các thước đo lạm phát cơ bản đã giảm, song sức ép giá cả tại Khu vực đồng tiền chung châu Âu vẫn ở mức cao do một số yếu tố như tăng lương. Ngoài ra, chính sách tiền tệ tại châu Âu hiện đang thắt chặt và việc lãi suất vẫn ở mức cao tiếp tục kìm hãm nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần vào việc giảm lạm phát.

Ngày 7/3, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức cao kỷ lục. Cụ thể, ECB giữ nguyên lãi suất tiền gửi ở mức 4%; lãi suất tái cấp vốn chính ở mức 4,5% và lãi suất cho vay cận biên ở mức 4,75%.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG CHÂU ÂU (ECB)



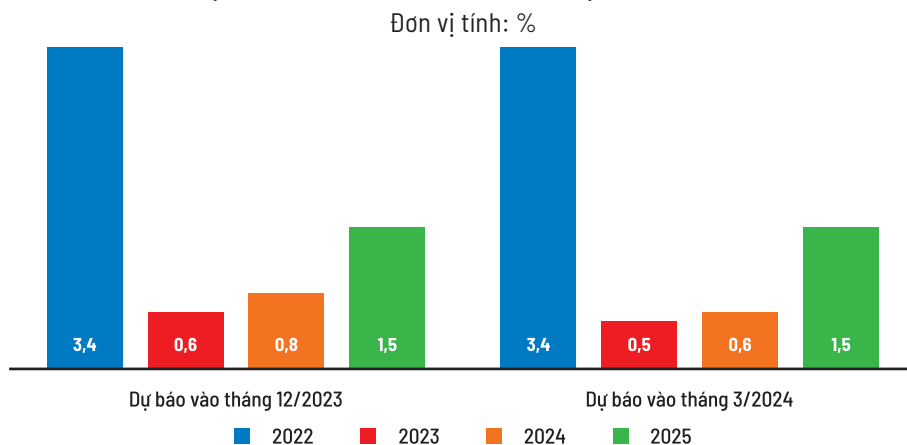
Nguồn: ECB

Nhìn chung trong tháng qua nền kinh tế châu Âu đã vượt qua giai đoạn khó khăn, nguy cơ suy thoái giảm dần, tuy nhiên vẫn tiềm tàng nhiều rủi ro lớn như thâm hụt ngân sách, khả năng sản xuất hàng hóa với giá cạnh tranh toàn cầu giảm... đặc biệt là số vụ phá sản ở châu Âu ngày một gia tăng đang là một trong những vấn đề báo động đối với nền kinh tế.

Trước tình hình đó, các nhà lãnh đạo Liên minh châu Âu (EU) hôm qua 22/3 đã nhất trí về một chính sách tài chính thắt chặt hơn đối với Khu vực Kinh tế châu Âu (EEA) kể từ năm 2025. Biện pháp này nhằm giúp EEA giảm lạm phát và ổn định tài chính công sau tình trạng chi tiêu quá mức do đại dịch Covid-19 và cuộc khủng hoảng giá năng lượng.

Về tăng trưởng, ngày 7/3, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) dự báo tăng trưởng GDP của khu vực Eurozone trong năm nay sẽ tăng 0,6%, thấp hơn mức 0,8% mà ECB đưa ra hồi tháng 12/2023, tiếp đó sẽ tăng 1,5% vào năm 2025 và 1,6% vào năm 2026, khi hoạt động kinh tế của khu vực đồng euro thoát khỏi tình trạng trì trệ như hiện tại.

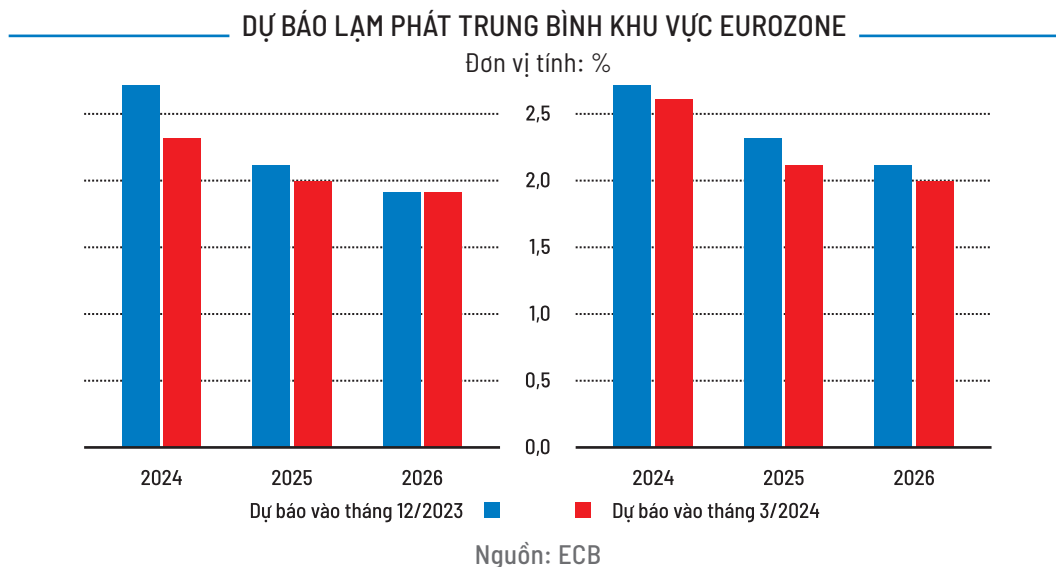
DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP KHU VỰC EUROZONE



Nguồn: ECB

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2024

Bên cạnh đó, ECB giảm dự báo lạm phát trung bình của Eurozone trong năm nay từ 2,7% xuống 2,3%, đến năm 2025 lạm phát sẽ đạt mức mục tiêu 2% của ECB và giảm xuống còn 1,9% vào năm 2026.



Theo ECB dự báo, sự phục hồi nhẹ của nền kinh tế châu Âu sẽ được thúc đẩy bởi chi tiêu tiêu dùng tăng lên khi áp lực giá giảm bớt, tiền lương thực tế tăng và thị trường lao động vẫn mạnh mẽ. Đây được coi là điểm sáng cho triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế EU trong năm 2024.

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Năm 2024, những thách thức lớn về tăng trưởng dường như đến từ tốc độ tăng trưởng việc làm giảm, giá cả và mức lương duy trì ở mức cao, lãi suất tăng và điều kiện tín dụng trở nên chặt chẽ, cùng với đó là tình trạng ngân sách hạn hẹp ở hầu hết các nền kinh tế lớn, trừ Trung Quốc.

Trong báo cáo tháng 3/2024, *Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC)* đã nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm nay lên 2,8%, từ mức dự báo tăng 2,7% được đưa ra trước đó, nhờ hoạt động kinh tế tăng mạnh mẽ trong nửa cuối năm nay.

Theo Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu của EIU công bố cuối tháng 3/2024, tăng trưởng GDP thực tế toàn cầu năm 2024 được dự báo tăng từ 2,3% lên 2,4% (gần với mức ước tính 2,5% vào năm 2023). Tốc độ tăng trưởng ở mức ổn định, thể hiện khả năng phục hồi của nền kinh tế toàn cầu, trong bối cảnh lãi suất cao và căng thẳng địa chính trị. Tăng trưởng toàn cầu năm 2024 sẽ bao gồm các đặc trưng sau:

- *Cạnh tranh địa chính trị gia tăng ảnh hưởng đến tiềm năng tăng trưởng: Sự leo thang của các cuộc xung đột hiện nay ở châu Á, châu Âu hoặc Trung Đông có khả năng làm đảo lộn triển vọng tăng trưởng toàn cầu.*
- *Tăng trưởng toàn cầu sẽ không mạnh nhưng tránh được suy thoái: Lãi suất tương đối cao sẽ hạn chế hoạt động kinh tế toàn cầu, nhưng không có dấu hiệu nào cho thấy căng thẳng nợ hệ thống có thể kéo nền kinh tế thế giới vào suy thoái. Triển vọng được cải thiện trong giai đoạn 2025-2028 (kỳ vọng mức tăng trưởng hàng năm đạt trung bình 2,7%), được hỗ trợ bởi chính sách nới lỏng tiền tệ, đầu tư vào công nghệ và chuyển đổi năng lượng, nhưng tăng trưởng vẫn sẽ không bằng trung bình giai đoạn gần đây - tăng trưởng toàn cầu đạt trung bình 3% một năm trong những năm 2010.*
- *Giảm phát được dự báo sẽ tiếp tục nhưng rủi ro tăng giá vẫn tồn tại.*
- *Thất chặt tiền tệ đã qua, nhưng sẽ thận trọng khi nới lỏng.*
- *Còn rất ít dư địa tài chính để hỗ trợ tăng trưởng: Lợi suất trái phiếu chính phủ tăng cao - lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm chuẩn của Kho bạc Hoa Kỳ được dự báo sẽ đạt trung bình 4,1% vào năm 2024, cao nhất kể từ năm 2007 - có nghĩa là sẽ có ít không gian để mở rộng tài chính. Các chính phủ sẽ cân nhắc kỹ khi vay mượn và chi phí trả nợ sẽ chiếm phần lớn ngân sách quốc gia.*
- *Các thị trường mới nổi, AI và các ngành công nghiệp xanh dẫn đầu cơ hội tăng trưởng.*
- *Sự phân mảnh và khu vực hóa sẽ xác định đường lối chính trị và hoạch định chính sách.*



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 3/2024

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

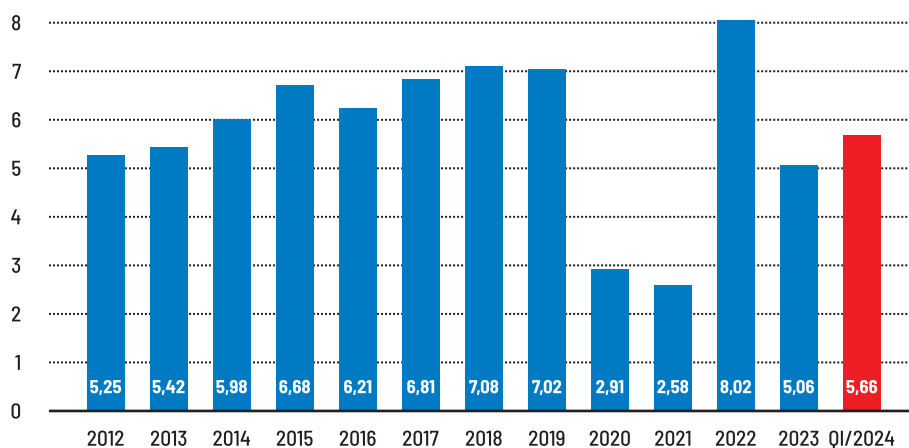
Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, *tình hình kinh tế - xã hội Quý I/2024 tiếp tục xu hướng tích cực với kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo* đồng thời các ngành, lĩnh vực đạt được nhiều hiệu quả khả quan. Kinh tế trong nước đã đạt nhiều kết quả quan trọng, trong đó các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ tiếp tục sôi động và duy trì mức tăng cao.

Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam đạt 49,9 điểm trong tháng 3/2024, giảm 0,5 điểm, về dưới ngưỡng 50 điểm so với 50,4 điểm trong tháng 2/2024. Với kết quả này, chỉ số đã báo hiệu sự kết thúc của thời kỳ cải thiện điều kiện kinh doanh kéo dài hai tháng đầu năm 2024. Mặc dù có sự yếu kém trong tháng 3/2024, các nhà sản xuất đã ngày càng tin tưởng rằng sản lượng sẽ tăng trong thời gian một năm tới. Mức độ lạc quan là mạnh nhất kể từ tháng 9/2022. Các nhà sản xuất tăng tuyển dụng trong tháng 3/2024, từ đó tăng số lượng việc làm tháng thứ hai liên tiếp với tốc độ tăng nhanh nhất kể từ tháng 10/2022.

Trong quý đầu năm, kinh tế Việt Nam ghi nhận tăng trưởng GDP tích cực, cao nhất trong 5 năm trở lại đây, đạt 5,66%, tăng mạnh so với tốc độ 3,4% trong cùng kỳ năm 2023, nhưng chậm hơn mức tăng 6,7% trong Quý 4/2023.

TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013-2024

Đơn vị tính: %

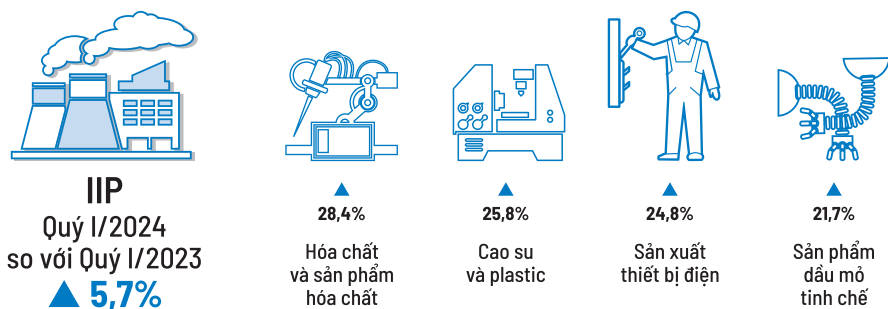


Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng 3/2024 tiếp tục cho thấy sự phục hồi tích cực khi chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng tới 20% so với tháng trước và tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2024, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tính tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 2,6%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 5,9% (cùng kỳ năm 2023 giảm 2,9%), đóng góp 5,2 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12,1% (cùng kỳ năm 2023 giảm 1,1%), đóng góp 1,1 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4% (cùng kỳ năm 2023 tăng 5,6%), đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 4,1% (cùng kỳ năm 2023 giảm 3%), làm giảm 0,7 điểm phần trăm.

TỐC ĐỘ TĂNG IIP QUÝ I/2024 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 3/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 65,09 tỷ USD, tăng 35,6% so với tháng trước và tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung Quý I/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 178,04 tỷ USD, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17%; nhập khẩu tăng 13,9%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 8,08 tỷ USD. Xuất nhập khẩu trở thành động lực tăng trưởng mạnh trong Quý I/2024 với mức tăng cao nhất kể từ năm 2021.

KIM NGẠCH XUẤT, NHẬP KHẨU QUÝ I/2024



Nguồn: Tổng cục Thống kê

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2024

▪ Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 3/2024 ước đạt 34,01 tỷ USD, tăng 37,8% so với tháng trước và tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 93,06 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước.

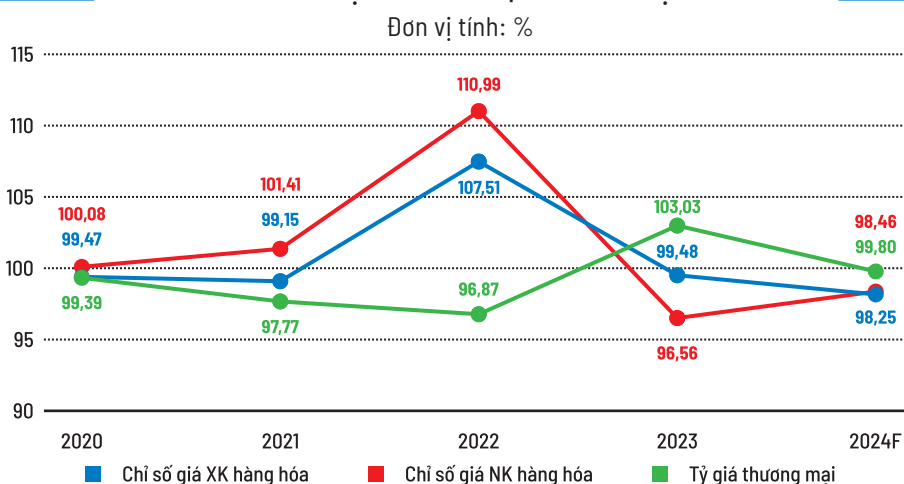
Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu quý I/2024, nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 82,02 tỷ USD, chiếm 88,1%.

▪ Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 3/2024 ước đạt 31,08 tỷ USD, tăng 33,4% so với tháng trước và tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 84,98 tỷ USD, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm trước.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 3 ước tính xuất siêu 2,93 tỷ USD. Tính chung quý I/2024, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 8,08 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 4,93 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 4,49 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 12,57 tỷ USD.

CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA
VÀ TỶ GIÁ THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA QUÝ I GIAI ĐOẠN 2020-2024



Nguồn: Tổng cục Thống kê

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2024

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 3/2024, cả nước có 14,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 64,3% so với tháng trước và giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước, hơn 3.000 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 43,4% và giảm 52%, có 4.139 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 19,6% và giảm 0,2%.

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUÝ I/2024 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2023

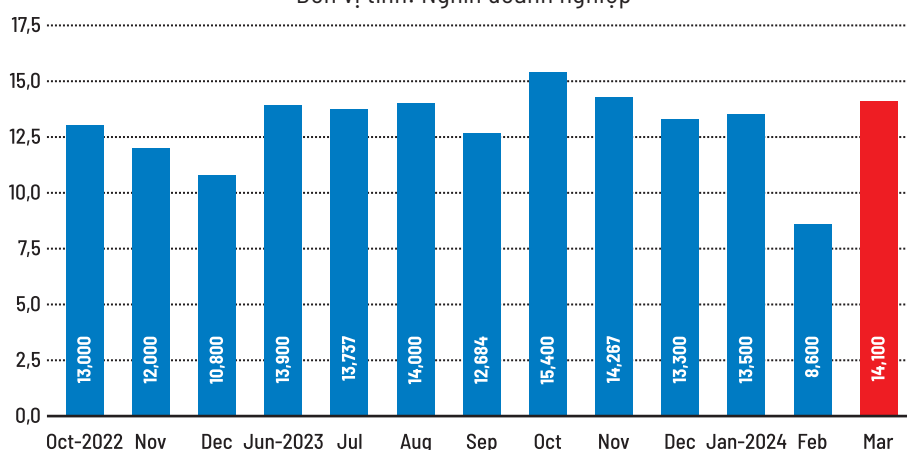


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tính chung quý I/2024, cả nước có 59,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có gần 20 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUA CÁC THÁNG

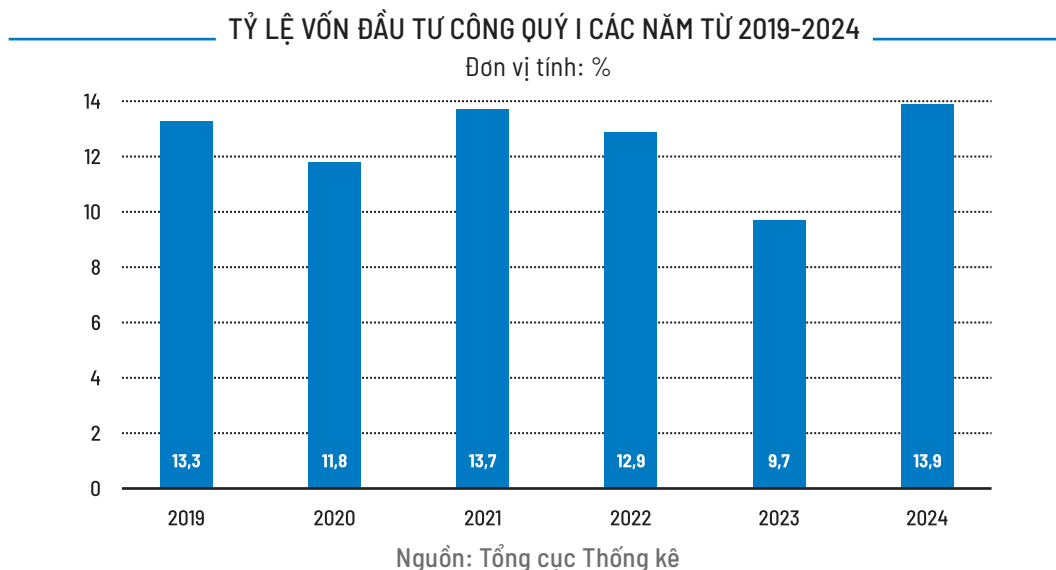
Đơn vị tính: Nghìn doanh nghiệp



Nguồn: Tổng cục Thống kê

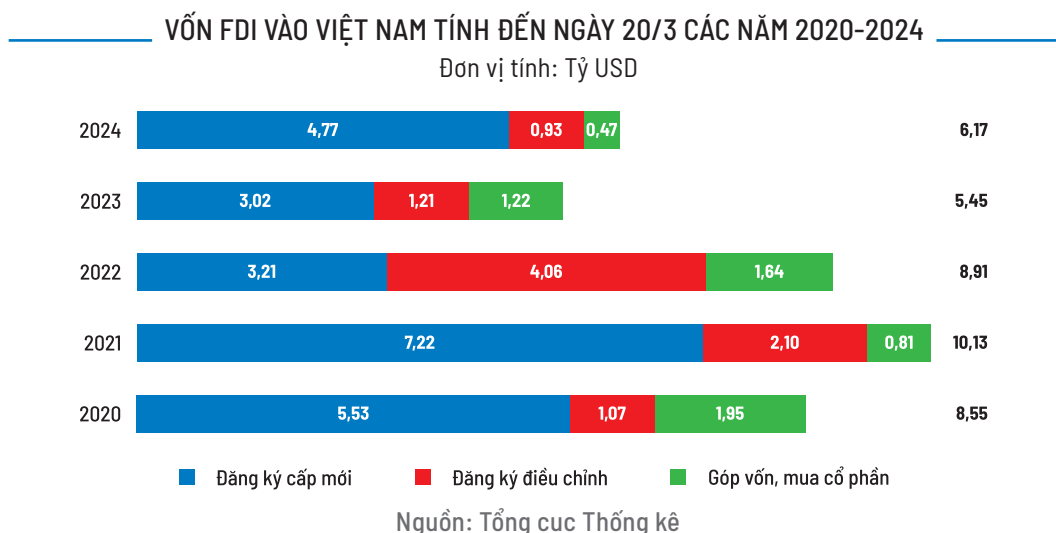
1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội Quý I/2024 theo giá hiện hành ước đạt 613,9 nghìn tỷ đồng, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước đã phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh trong nước có xu hướng phục hồi ở nhiều ngành, lĩnh vực. Vốn đầu tư công đạt 97,7 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% so với cùng kỳ 2023, bằng 13,9% kế hoạch, cao nhất trong các quý 1 từ năm 2019 đến nay.



Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/3/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 6,17 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 3 tháng đầu năm 2024 ước đạt 4,63 tỷ USD, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước.

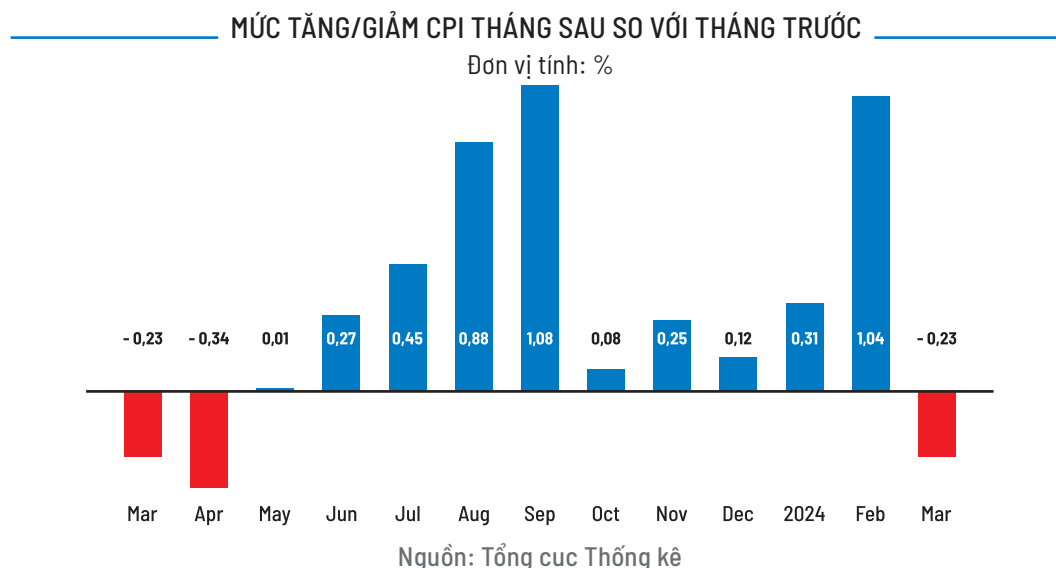


BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2024

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 3 tháng đầu năm 2024 có 22 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 28,7 triệu USD, giảm 74,6% so với cùng kỳ năm trước; có 2 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 220 nghìn USD, giảm 96,5%. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 28,9 triệu USD, giảm 75,8% so với cùng kỳ năm trước

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

So với tháng trước, CPI tháng 3/2024 giảm 0,23% (khu vực thành thị giảm 0,21%; khu vực nông thôn giảm 0,25%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 7 nhóm hàng giảm giá và 4 nhóm hàng tăng giá. So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 3/2024 tăng 3,97%. Tính chung chỉ số giá tiêu dùng quý I/2024 tăng 3,77% so với cùng kỳ năm 2023.



1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Theo ước tính của Ngân hàng Nhà nước tăng trưởng tín dụng *tính đến cuối tháng 3/2024 đạt 0,26%, tăng trở lại sau hai tháng giảm*. Tín dụng đang có sự cải thiện dần theo tháng (Tháng 2 giảm 0,72% so với cuối năm 2023, tháng 1 giảm 0,6%).

Các tổ chức tín dụng dự báo huy động vốn toàn hệ thống sẽ tăng 3,5% trong quý 2/2024 và tăng 9,9% trong năm 2024. Dư nợ tín dụng toàn hệ thống tăng bình quân 3,8% trong quý 2/2024 và tăng 13,6% trong năm 2024.

Ngoài ra, khó khăn trong việc cấp tín dụng từ những yếu tố khách quan như thời vụ; cầu và sức hấp thụ vốn của nền kinh tế ở mức thấp; một số nhóm khách hàng có nhu cầu nhưng chưa vay được vốn, khó khăn trong việc triển khai các chương trình tín dụng, khả năng huy động vốn trung, dài hạn của các tổ chức tín dụng còn hạn chế.

Về những yếu tố chủ quan, một số ngân hàng còn thận trọng cấp tín dụng do nợ xấu gia tăng, một số khoản nợ cũ chưa được điều chỉnh giảm lãi suất, thủ tục cho vay còn chậm, cơ chế tài sản đảm bảo thiếu linh hoạt, hoạt động huy động vốn qua cổ phiếu, trái phiếu và vốn FDI đều thấp khiến tín dụng tăng trưởng âm.

Trái ngược với tình hình những tháng đầu năm, tăng trưởng tín dụng trong cả năm 2024 được dự báo sẽ có nhiều triển vọng tích cực và có khả năng tăng tốc từ quý III và đạt mục tiêu tăng trưởng từ 14 - 15%, nhờ môi trường lãi suất thấp hơn, kỳ vọng hoạt động xuất nhập khẩu phục hồi và các biện pháp của Chính phủ nhằm kích thích nhu cầu tiêu dùng và đầu tư trong nước.

1.2.2. Lãi suất

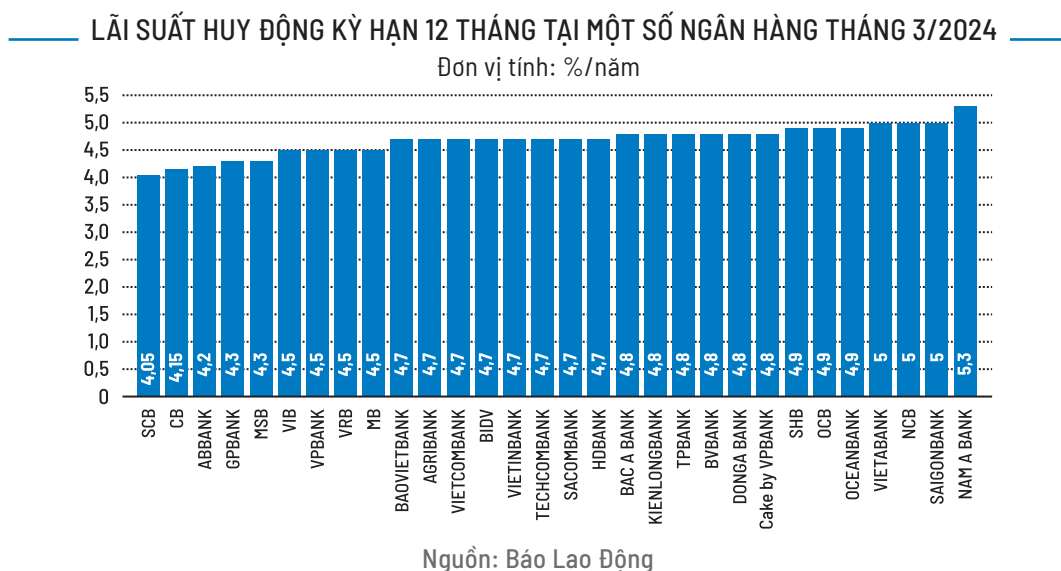
Hầu hết các ngân hàng đều tiếp tục giảm lãi suất huy động trong tháng 3/2024, lãi suất đã giảm xuống mức thấp hơn với thời điểm trước đại dịch. Đáng chú ý, với kỳ hạn ngắn từ 6 tháng trở xuống, hầu hết ngân hàng đã đưa mặt bằng lãi suất huy động xuống mức 3-3,5%/năm, lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng được niêm yết quanh ngưỡng 4,05-5,3%/năm.

Trong tháng 3/2024, đã có 25 ngân hàng thương mại giảm lãi suất huy động gồm: PGBank, BVBank, BaoViet Bank, GPBank, ACB, Agribank, VPBank, PVCombank, Dong A Bank, MB, Techcombank, NCB, KienLong Bank, Agribank, SCB, Saigonbank, BIDV, Sacombank, ABBank, SeABank, CBBank, OceanBank, TPBank, VietinBank, VIB.

Trong đó, BaoViet Bank, GPBank, PGBank, Techcombank, ACB, ABBank đã 2 lần giảm lãi suất huy động kể từ đầu tháng. BVBank đã 3 lần giảm lãi suất trong tháng 3. Ngược lại, 5 ngân hàng tăng lãi suất huy động tại một số kỳ hạn là SHB, Techcombank, Saigonbank, Eximbank, VPBank.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2024

Hầu hết các ngân hàng đều tiếp tục giảm lãi suất huy động trong tháng 3, lãi suất đã giảm xuống mức thấp hơn với thời điểm trước đại dịch. Đáng chú ý, với kỳ hạn ngắn từ 6 tháng trở xuống, hầu hết ngân hàng đã kéo mặt bằng lãi suất huy động xuống mức 3-3,5%/năm, lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng được niêm yết quanh ngưỡng 4,05-5,3%/năm.



1.2.3. Tỷ giá

Trong nước, nhu cầu đô la Mỹ của các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu tăng, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 24.837 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 3/2024 tăng 0,88% so với tháng trước, tăng 1,81% so với tháng 12/2023, tăng 4,32% so với cùng kỳ năm trước, bình quân quý I/2024 tăng 3,97%.

1.2.4. Giá vàng

Chỉ số giá vàng tháng 3/2024 tăng 4,59% so với tháng trước; tăng 9,41% so với tháng 12/2023; tăng 22,71% so với cùng kỳ năm trước; bình quân Quý I/2024, chỉ số giá vàng tăng 18,23%.

Các nhà phân tích cho rằng bất ổn địa chính trị, nhu cầu vàng của các ngân hàng trung ương tăng, cũng như hoạt động đầu cơ trên thị trường tiếp tục ảnh hưởng đến giá vàng thế giới, giá vàng thế giới có thể tiếp tục tăng vượt 2.600 USD.

Ở thị trường trong nước, sau hơn 10 năm kể từ ngày ban hành Nghị định 24/2012/NĐ-CP (Nghị định 24), cơ chế Nhà nước độc quyền sản xuất vàng miếng, xuất khẩu vàng nguyên liệu và nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng đã bộc lộ không ít bất cập, là nguyên nhân dẫn đến chênh lệch giá vàng giữa thị trường trong nước và thị trường thế giới.

Nghị định 24 ra đời khi giá vàng thế giới ở mức 1.670USD/oz và giá vàng trong nước 42,5 triệu đồng/lượng, mức chênh lệch giữa giá vàng miếng SJC trong nước và vàng thế giới là 2 triệu đồng/lượng. Nhưng hiện nay, ngày 4/4/2024, giá vàng thế giới vượt đỉnh vượt 2.300 USD/oz, giá vàng miếng SJC trong nước lên 81,7 triệu đồng/lượng, mức chênh lệch giá vàng miếng SJC trong nước và thế giới từ 10-11 triệu đồng/lượng. Giá trị chênh lệch tương đương với 19% giá vàng thế giới. Có những giai đoạn, chênh lệch lên tới gần 20 triệu đồng mỗi lượng, giá trị chênh lệch chiếm tới 30% giá vàng quốc tế. Ngoài ra, chênh lệch giá mua vào và bán ra khoảng 2.000.000 đồng/lượng. Những con số này đã phần nào cho thấy sự bất cập của Nghị định 24, gây áp lực lên tỷ giá hối đoái VND/USD, góp phần tạo ra cơ hội kinh doanh phi pháp thông qua buôn lậu vàng và vận chuyển tiền xuyên biên giới.

Để quản lý tốt thị trường vàng, hài hòa lợi ích giữa các chủ thể, cần thực hiện một số biện pháp quản lý thị trường vàng theo nguyên tắc công khai, minh bạch, an toàn và ổn định, góp phần ổn định tâm lý và thị trường ngoại hối, đặc biệt là giảm thiểu mục lỗi và sai sót trong cân cân thanh toán quốc tế; đồng thời, góp phần tăng thu cho ngân sách và điều tiết thị trường vàng.

DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG MỘT NĂM QUA

Đơn vị tính: USD/oz



Nguồn: Kitco

1.2.5. Chứng khoán

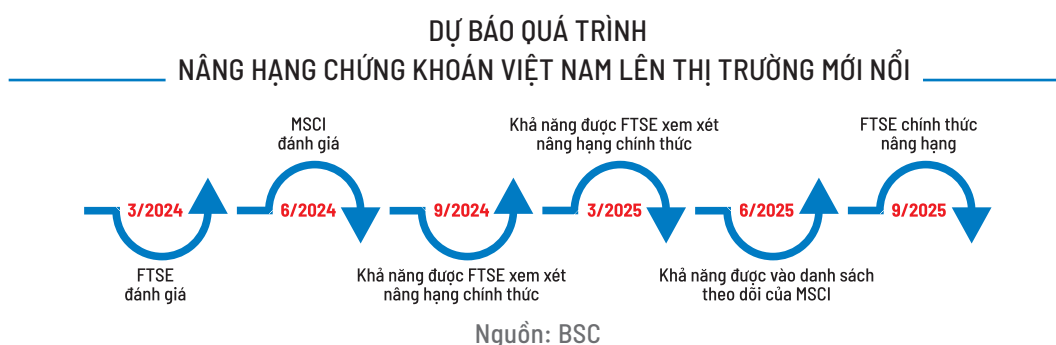
Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3 đã có nhịp tăng rất tốt, kéo dài 5 tháng liên tiếp. Mặc dù trải qua nhiều biến động lớn, tuy nhiên xu hướng chung khá tích cực, chỉ số VN-Index đã có lúc tiến sát mốc 1.300 điểm. So với đầu tháng 11/2023, chỉ số này đã tăng 26%, qua đó xác nhận thị trường đang trong trạng thái thị trường giá lên (bull market).

Không chỉ có điểm số, thanh khoản toàn thị trường chứng khoán có bước tăng trưởng vượt bậc, từ mức bình quân 18.751 tỷ đồng/phiên ở tháng 1 đã lên mức 30.200 tỷ đồng/phiên trong tháng 3. So với 3 tháng cùng kỳ năm ngoái, thanh khoản đã tăng gấp 2 lần. Dòng tiền trên thị trường đang là động lực thúc đẩy đà tăng cho chỉ số hoặc mặt bằng giá cổ phiếu. Dòng tiền nội địa và duy trì ở mức rất tích cực, gánh cho dòng tiền khối ngoại đang có đợt bán ròng mạnh.

Nguyên nhân thanh khoản thị trường gia tăng rõ rệt trong tháng qua là do nhiều yếu tố hỗ trợ. Đầu tiên là việc Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất điều hành đã giúp giảm mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trong nền kinh tế. Điều này đã kích thích dòng tiền chuyển dịch từ kênh tiết kiệm sang các lĩnh vực sản xuất kinh doanh hỗ trợ nền kinh tế hồi phục, cũng như vào các thị trường đầu tư tài sản như chứng khoán.

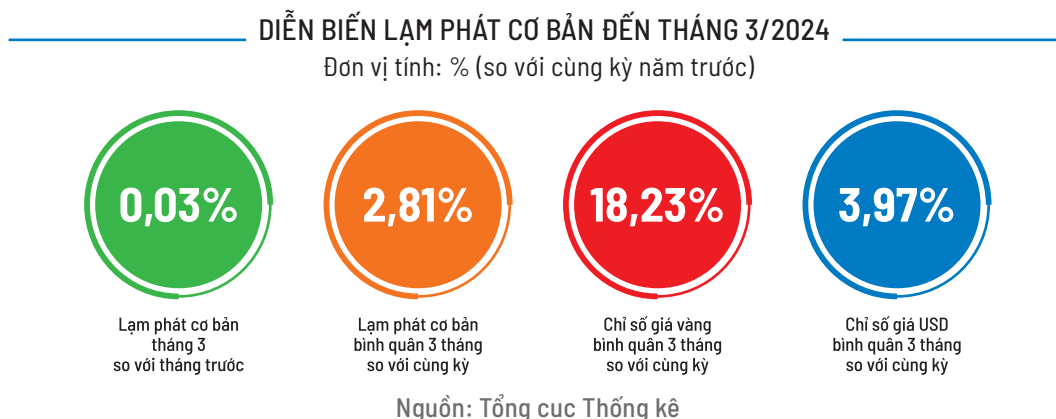
Trong tháng 3, nhóm cổ phiếu dầu khí đã thu hút dòng tiền lớn từ các nhà đầu tư, nhất là các mã PVD, PVS, PVT... nhờ thông tin Bộ Công thương gửi công văn đến các doanh nghiệp dầu khí thúc đẩy tiến độ triển khai chuỗi dự án khí - điện Lô B, mở ra kỳ vọng về giai đoạn tăng trưởng mới của ngành dầu khí. Dự báo trong năm 2024, nhóm cổ phiếu dầu khí vẫn sẽ được hỗ trợ lực tăng bởi giá dầu và việc triển khai các dự án lớn.

Dự báo trong 3 năm tới thị trường sẽ có nhịp tăng tốt và các nhịp chỉnh là cơ hội mua. Với kịch bản cao nhất, VN-Index sẽ lên 1.650-1.750 điểm nếu được nâng hạng. Trong tháng 3 vừa qua, hệ thống KRX đã được test lại, pre-funding kỳ vọng cũng sớm được giải quyết và việc công bố thông tin bằng tiếng Anh áp dụng ngay trong 2025 do đó Việt Nam được dự báo sẽ đáp ứng điều kiện của FTSE trong kỳ đánh giá nâng hạng trong kỳ review tháng 3/2025, đến tháng 9/2025 chính thức được vào.



1.2.6. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 3/2024 tăng 0,03% so với tháng trước và tăng 2,76% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý I/2024, lạm phát cơ bản bình quân tăng 2,81% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung chủ yếu do giá lương thực, xăng dầu, giá dịch vụ y tế và giá dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.



2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

- Bộ Công Thương đề xuất doanh nghiệp được tự quyết giá xăng dầu và đề xuất 4 nội dung quan trọng về tìm kiếm thăm dò dầu khí

Bộ Công Thương đề xuất Nhà nước sẽ không tham gia vào quá trình điều hành giá xăng dầu, mà sẽ công bố các yếu tố hình thành giá để doanh nghiệp tự quyết định giá.

Cơ quan này cho rằng, để doanh nghiệp dầu mỏ tự quyết định giá bán sẽ giúp cạnh tranh về chi phí để chiếm lĩnh thị phần. Đặc biệt, doanh nghiệp được phép bán thấp hơn giá bán tối đa theo công thức tính giá, qua đó loại bỏ được việc áp dụng giá bán xăng dầu vùng 2 của doanh nghiệp.

Trường hợp tỷ lệ chi phí kinh doanh và lợi nhuận của doanh nghiệp tăng, Bộ Công Thương sẽ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng xem xét điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Việc điều chỉnh giá sẽ thực hiện theo kỳ 15 ngày/lần.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương cũng đề xuất 4 nội dung quan trọng về tìm kiếm thăm dò dầu khí trong dự thảo Thông tư quy định một số nội dung kỹ thuật trong hoạt động dầu khí mới.

Theo dự thảo, nội dung chính của công tác tìm kiếm thăm dò dầu khí bao gồm:

1. Khoanh vùng, xác định và xếp hạng các đối tượng (plays), cấu tạo, bẫy, thân chứa có tiềm năng chứa dầu khí.
2. Xác định hệ thống dầu khí, đánh giá đặc tính thấm - chứa, tính chất chất lưu và khả năng thương mại của đối tượng, thân chứa.
3. Đánh giá tiềm năng và rủi ro của các đối tượng chứa dầu khí chưa phát hiện/ phát hiện và xây dựng phương án tìm kiếm thăm dò.
4. Đánh giá tài nguyên, trữ lượng dầu khí và xác định quy mô của các phát hiện và các yếu tố rủi ro dầu khí để xây dựng các kế hoạch thăm dò thăm lượng dầu khí, lập báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí.

Các bước chính của công tác tìm kiếm thăm dò dầu khí bao gồm:

1. Triển khai công tác nghiên cứu địa chất - địa vật lý: Thu thập thông tin về tài liệu địa chất, địa vật lý và các thông tin liên quan đến địa chất và tiềm năng dầu khí.
2. Triển khai công tác địa vật lý: Thực hiện tổ hợp các công việc khảo sát, thu nổ, xử lý, minh giải tài liệu địa vật lý: địa chấn 2D/3D, trọng lực, từ, ảnh viễn thám chi tiết phục vụ việc xác định vị trí giếng khoan, đánh giá tài nguyên, trữ lượng dầu khí và thiết kế giếng thăm dò, thăm lượng.

3. Triển khai công tác đánh giá trước khi khoan (báo cáo đánh giá tiềm năng, báo cáo phương án địa chất giếng khoan, chương trình khoan).

4. Thi công khoan giếng tìm kiếm thăm dò, thăm lượng.

5. Triển khai công tác đánh giá sau khi khoan (báo cáo nghiên cứu sau khoan, báo cáo kết thúc địa chất giếng khoan, báo cáo tổng kết hoạt động thi công giếng khoan).

Các quy định chung khi tiến hành thăm dò địa vật lý:

Nội dung chính kế hoạch triển khai thăm dò địa vật lý bao gồm: Phương án, mục tiêu công tác thăm dò địa vật lý; phương pháp thực hiện thăm dò địa vật lý; công tác quản lý an toàn, môi trường khi thực hiện thăm dò địa vật lý; kế hoạch giao nộp tài liệu thăm dò địa vật lý trong và sau khi thực hiện.

Khi tiến hành thăm dò địa vật lý, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm: Ban hành hướng dẫn về công tác an toàn, quy trình, tổ chức và phân công trách nhiệm; bố trí biển báo, chỉ dẫn cần thiết, thông báo tới các phương tiện lưu thông trong khu vực triển khai; ban hành quy trình vận hành, bảo trì, kiểm tra phương tiện, thiết bị phục vụ thăm dò địa vật lý theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất hoặc cung cấp phương tiện, thiết bị; tiến hành thăm dò địa vật lý theo kế hoạch, diện tích, khu vực và mạng lưới tuyến đã được chấp thuận.

Sau khi kết thúc thăm dò địa vật lý, người điều hành thông báo và gửi báo cáo kết quả thăm dò địa vật lý theo quy định hợp đồng dầu khí hoặc thỏa thuận với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nếu có).

Đưa công trình khai thác dầu khí vào vận hành:

Công trình khai thác dầu khí phải được nghiệm thu trước khi đưa vào vận hành, sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật, hợp đồng dầu khí và các hợp đồng, thỏa thuận được ký kết giữa các bên liên quan.

Đối với các công trình dầu khí nằm trong vùng nước cảng biển hoặc luồng hàng hải, trước khi đưa công trình vào vận hành, sử dụng, người điều hành phải thiết lập vùng an toàn xung quanh công trình dầu khí theo quy định tại Luật Dầu khí và Nghị định số 45/2023/NĐ-CP.

Vùng an toàn này phải được chỉ dẫn bằng hệ thống báo hiệu hàng hải và phải được thể hiện trên hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải hoặc hải đồ khu vực theo quy định về hàng hải.

- **Chính phủ ban hành Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 10/4/2024, sửa đổi quy định về xác định quỹ tiền lương kế hoạch.**

Theo quy định mới về xác định quỹ tiền lương kế hoạch thì chi phí các dự án tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí không thành công sẽ là yếu tố được loại trừ và được phân bổ theo quy định của Chính phủ.

▪ **Đề xuất sửa một số quy định về khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào**

Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), trong đó đề xuất sửa đổi một số quy định liên quan đến khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Theo đó, cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau: Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế giá trị gia tăng đầu vào không được bồi thường của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bị tổn thất.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng.

Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra. Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại được khấu trừ toàn bộ.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu khí được khấu trừ toàn bộ.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Trên cơ sở kết quả Quý I/2024, dự báo tình hình Quý II và cả năm 2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự báo 02 kịch bản tăng trưởng năm 2024.

- **Kịch bản 1:** Tăng trưởng kinh tế cả năm dự kiến đạt 6,0%, tức là đạt cận dưới mục tiêu Quốc hội quyết nghị. Để đạt con số này, 9 tháng cuối năm 2024 phải tăng khoảng 6,12%, trong đó tăng trưởng quý II là 5,85%, quý III và IV lần lượt là 6,22% và 6,28%, đạt mức cận dưới hoặc thấp hơn kịch bản đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP.
- **Kịch bản 2:** Tăng trưởng kinh tế cả năm đạt 6,5%, cận trên mục tiêu Quốc hội quyết nghị. Theo đó, 9 tháng cuối năm phải tăng khoảng 6,75%; trong đó, tăng trưởng Quý II là 6,32%, Quý III và Quý IV lần lượt là 6,79% và 7,08%. Tăng trưởng các quý cao hơn khoảng 0,1 điểm phần trăm so với cận trên kịch bản đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Kịch bản 2. Trong điều kiện tình hình thế giới, trong nước chuyển biến thuận lợi hơn, tiếp tục nghiên cứu, triển khai các chính sách hỗ trợ mới về tài khóa, tiền tệ... để phấn đấu đạt mức tăng trưởng cao nhất.

Kinh tế Việt Nam đang có nhiều tín hiệu tích cực cho thời gian còn lại của năm nay. Hầu hết các dự báo tăng trưởng năm 2024 của các tổ chức kinh tế tài chính đều xoay quanh mức mục tiêu GDP theo Nghị quyết của Quốc hội.

Các chuyên gia nhận định, sự phục hồi tăng trưởng tương đối toàn diện trong các ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu, dịch vụ và nông nghiệp ổn định sẽ giúp quá trình phục hồi từng bước khả thi. Dòng vốn FDI và kiều hối tích cực, thặng dư thương mại được duy trì, hỗ trợ tài khóa được tiếp tục và chương trình đầu tư công đáng kể cũng sẽ kích thích tăng trưởng.

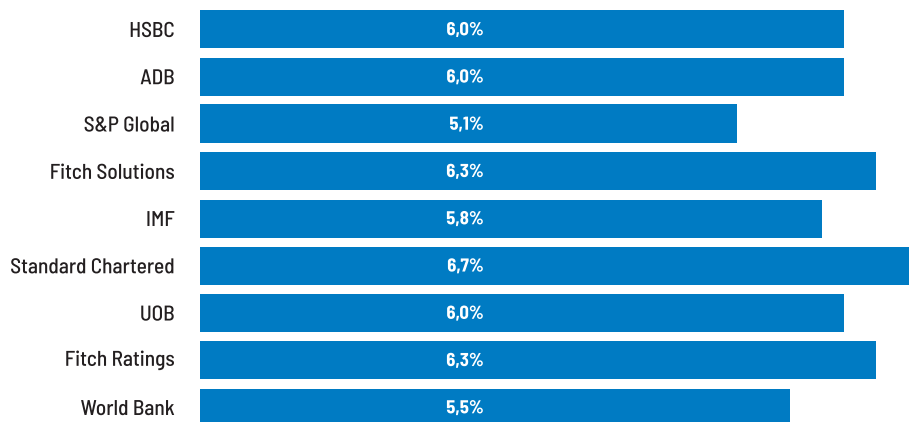
Liên quan đến những thách thức kinh tế Việt Nam có thể sẽ phải đối mặt trong năm 2024, thách thức từ môi trường bên ngoài sẽ ngày càng lớn. Trong đó, nhu cầu toàn cầu suy yếu do phục hồi kinh tế chậm và việc trì hoãn bình thường hóa lãi suất ở Mỹ và các nền kinh tế phát triển khác, cùng với những căng thẳng địa chính trị đang tiếp diễn, có thể cản trở quá trình phục hồi hoàn toàn tăng trưởng dựa vào xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2024. Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu cũng có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế.

Để thúc đẩy tăng trưởng, cần có các biện pháp mạnh mẽ hơn để giải quyết những yếu kém về cơ cấu trong nước như: sự phụ thuộc nhiều vào ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI, mối liên kết lỏng lẻo giữa các ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu và phần còn lại của nền kinh tế, thị trường vốn non trẻ, sự phụ thuộc quá nhiều vào tín dụng ngân hàng, cũng như các rào cản pháp lý phức tạp đối với doanh nghiệp.

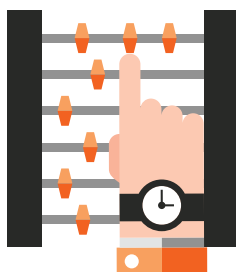
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2024

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM 2024

(Cập nhật tháng 3/2024)



Chỉ tiêu
theo Nghị quyết
của Quốc hội



Chỉ tiêu
theo Nghị quyết 01/NQ-CP
của Chính phủ



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ:*

Nguồn cung dầu mỏ trên thế giới có nhiều biến động mạnh trong tháng 3.

Ảnh hưởng từ các cuộc tấn công tại cơ sở năng lượng ở Nga và Ukraine trong tháng qua đã gây ra thiếu hụt nguồn cung tại một số thị trường chủ chốt. Theo tính toán của JPMorgan Chase, ước tính các cuộc tấn công của Ukraine đã khiến công suất lọc dầu của Nga mất khoảng 900,000 thùng mỗi ngày.

Bên cạnh đó, kể từ ngày 1/3, Nga đã ngừng xuất khẩu xăng dầu trong 6 tháng nhằm bình ổn giá tại thị trường trong nước khi các nhà máy lọc hoá dầu tại nước này chuẩn bị bảo dưỡng, lệnh này tạm thời không áp dụng đối với khối lượng cung cấp đã thỏa thuận cho các nước thuộc Liên minh kinh tế Á-Âu (EAEU), Mông Cổ, Uzbekistan, Abkhazia và Nam Ossetia.

Trái ngược với Nga, nguồn cung dầu của Mỹ tương đối ổn định khi dự trữ dầu thô và các sản phẩm chưng cất của nước này có xu hướng tăng nhẹ trong tháng 3.

Ngoài ra trong tháng qua, thị trường cũng được bù đắp một phần thiếu hụt nhờ nguồn cung dầu dồi dào đến từ Venezuela, sau khi Mỹ đã dỡ bỏ lệnh trừng phạt đối với thành viên OPEC này.

▪ *Cầu dầu mỏ:*

Nhu cầu dầu mỏ trên thế giới tăng mạnh, đặc biệt đến từ Châu Á và Mỹ. Tổng lượng dầu nhập khẩu của châu Á ước tính đạt lên 27,48 triệu thùng/ngày (bpd), mức cao nhất trong 10 tháng qua.

Nhập khẩu dầu của Trung Quốc ước tính đạt 11,75 triệu thùng/ngày trong tháng 3, tăng so với 11,16 triệu thùng/ngày trong tháng 2 và 10,44 triệu thùng/ngày trong tháng 1. Đặc biệt, Trung Quốc đã gia tăng thu mua dầu của Nga sau khi Ấn Độ từ chối nhập khẩu dầu Nga do lo sợ các lệnh trừng phạt mới của Mỹ, ước tính Trung Quốc sẽ nhập 1,7 triệu thùng dầu thô mỗi ngày từ Nga.

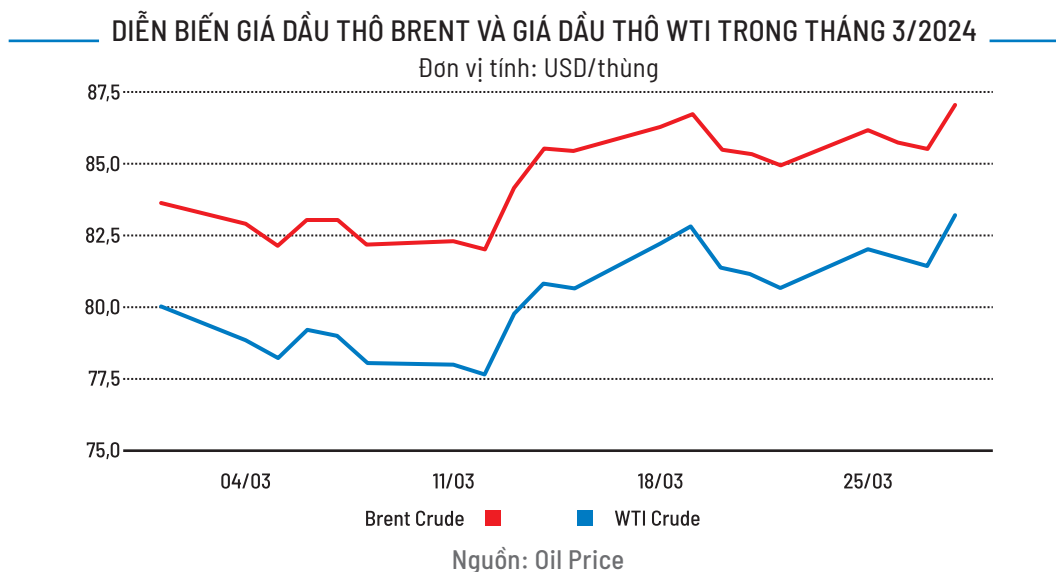
Nhu cầu dầu của Ấn Độ cũng tăng trưởng nhanh trong tháng 3, với nhập khẩu dầu ước tính đạt 4,93 triệu thùng/ngày, tăng từ mức 4,55 triệu thùng/ngày trong tháng 2 và ngang bằng với 5,06 triệu thùng/ngày trong tháng 1.

Trong khi đó, Mỹ cũng đang tìm cách mua 3 triệu thùng dầu cho Cục Dự trữ Dầu mỏ Chiến lược (SPR), do một địa điểm lưu trữ sắp ngừng bảo trì.

Ngoài ra, nhu cầu xăng dầu cũng gia tăng mạnh ở Nga. Giá đoạn trong hoạt động lọc dầu trong nước và một số nhà máy lọc dầu của Nga phải sửa chữa do bị tấn công bằng máy bay không người lái đã buộc các doanh nghiệp phải nhập khẩu xăng từ Belarus để giải quyết nguy cơ thiếu hụt xăng dầu tại thị trường nội địa.

▪ *Diễn biến giá:*

Giá dầu trong tháng 3 có nhiều biến động tăng giảm liên tục, tuy nhiên xu hướng chung cả tháng vẫn là tăng giá. Diễn biến giá dầu bị chi phối bởi nhiều yếu tố như việc các nhà máy lọc dầu của Nga bị tấn công, dự trữ dầu thô của Mỹ, tình hình các cuộc xung đột địa chính trị ở Trung Đông, Fed duy trì lãi suất ở mức cao... Bên cạnh đó, Đồng USD mạnh lên trong tháng qua cũng đã gây áp lực mạnh lên giá dầu.



1.1.2. Thị trường trong nước

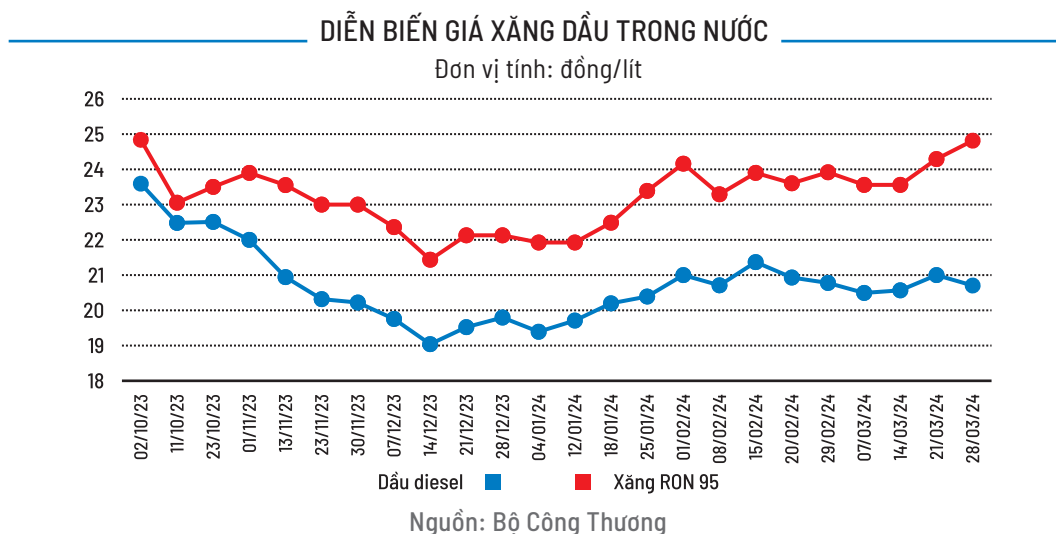
Nguồn cung xăng dầu thị trường trong nước vẫn ổn định mặc dù trong thời gian bảo dưỡng tổng thể Nhà máy lọc dầu Dung Quất lần 5. Để đảm bảo tính liên tục trong xuất bán, Công ty Cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR - Đơn vị quản lý vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất) vẫn xuất bán sản phẩm xăng dầu, nhằm đảm bảo một phần nguồn cung cho thị trường trong nước.

Về tình hình kinh doanh xăng dầu, chiết khấu bán lẻ xăng dầu duy trì trên mức 1.000 đồng/lít trong tháng 3.

Theo đó, tại khu vực phía nam, chiết khấu dao động từ 1.100 - 1.400 đồng/lít, lấy hàng tại tổng kho; lấy hàng tại kho trung chuyển, mức chiết khấu sẽ thấp hơn khoảng 100 - 150 đồng/lít.

Tại khu vực phía bắc, chiết khấu cho 2 mặt hàng xăng dầu cao hơn, dao động từ 1.400 - 1.450 đồng/lít, lấy hàng tại tổng kho.

Từ đầu năm đến hết tháng 3, giá xăng trong nước đã có 8 lần tăng và 5 lần giảm.



1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung dầu mỏ:

Trong Báo cáo thị trường dầu mỏ tháng 3, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo thị trường dầu mỏ sẽ chuyển từ dư thừa sang thiếu hụt nguồn cung và sẽ kéo dài đến hết năm 2024 nếu OPEC+ tiếp tục gia hạn cắt giảm sản lượng.

Bên cạnh đó, ngày 3/3, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ và các đối tác (OPEC+) đã gia hạn mức cắt giảm sản lượng dầu tự nguyện 2,2 triệu thùng/ngày trong quý II/2024 để hỗ trợ giá trong bối cảnh lo ngại về tăng trưởng toàn cầu và sản lượng tăng ngoài nhóm. Cụ thể:

Saudi Arabia cho biết sẽ gia hạn mức cắt giảm tự nguyện 1 triệu thùng/ngày cho đến cuối tháng 6, duy trì sản lượng ở mức khoảng 9 triệu thùng/ngày.

Trong khi đó, Nga sẽ cắt giảm sản lượng và lượng dầu xuất khẩu thêm 471.000 thùng/ngày trong quý II. Tháng 4 tới, Nga sẽ giảm sản lượng 350.000 thùng/ngày và xuất khẩu giảm 121.000 thùng/ngày. Đến tháng 5, mức giảm 471.000 thùng/ngày sẽ dưới hình thức cắt giảm sản lượng 400.000 thùng/ngày và cắt giảm 71.000 thùng/ngày đối với xuất khẩu. Trong khi đó, vào tháng 6, mức cắt giảm nguồn cung của Nga sẽ là 471.000 thùng/ngày hoàn toàn từ việc cắt giảm sản lượng.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2024

Tương tự Saudi Arabia, Nga các thành viên khác trong OPEC+ cũng lần lượt đưa ra thông báo gia hạn. Iraq sẽ gia hạn mức cắt giảm sản lượng 220.000 thùng/ngày, UAE là 163.000 thùng/ngày và Kuwait là 135.000 thùng/ngày. Algeria cũng cho biết sẽ cắt giảm 51.000 thùng/ngày và Oman là 42.000 thùng/ngày.

▪ Cầu dầu mỏ:

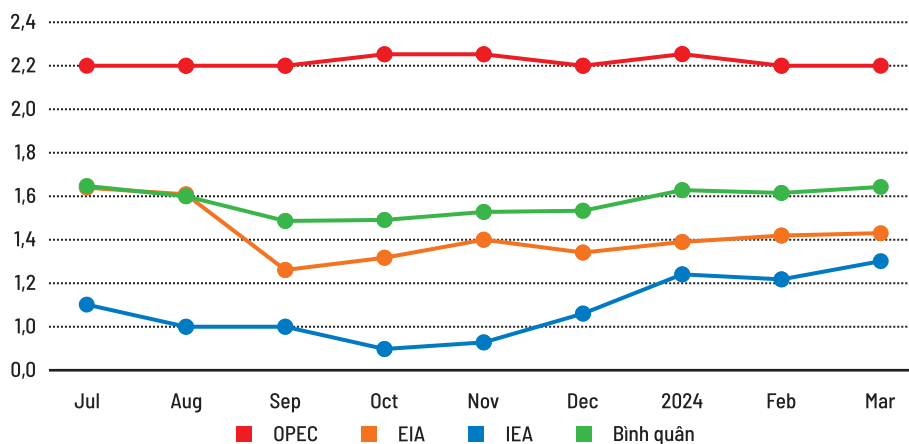
Ngày 12/3, trong Báo cáo thị trường dầu mỏ hàng tháng, Tổ chức các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) đã giữ nguyên các mức dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu trong năm 2024 và 2025. Theo đó, *OPEC dự báo nhu cầu dầu toàn cầu sẽ tăng thêm 2,2 triệu thùng/ngày vào năm 2024 và đạt mức tăng trưởng hàng năm 1,8 triệu thùng/ngày trong năm 2025.*

Ngoài ra, *OPEC dự báo sản lượng dầu thô năm 2024 của các nước ngoài OPEC sẽ tăng 1,1 triệu thùng/ngày, giảm 120.000 thùng/ngày so với dự báo được đưa ra tháng trước, chủ yếu do các biện pháp hạn chế sản lượng tự nguyện trong quý II/2024 được gia hạn.*

Bất chấp triển vọng tăng trưởng nhu cầu tăng lên, quan điểm của IEA về tăng trưởng tiêu thụ dầu vẫn tiếp tục thận trọng hơn nhiều so với OPEC. Ngày 14/3, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nhu cầu dầu trên thế giới sẽ tăng 1,3 triệu thùng/ngày trong năm nay, cao hơn 110.000 thùng/ngày so với mức dự báo trong báo cáo thị trường tháng trước. Lý do khiến IEA điều chỉnh tăng nhu cầu là triển vọng cải thiện về nhu cầu dầu của Mỹ và nhu cầu sử dụng nhiên liệu chạy tàu cao hơn do sự gián đoạn dòng chảy thương mại ở Biển Đò, khiến nhiều hãng khai thác tàu phải lựa chọn tuyến đường dài hơn giữa Châu Âu và Châu Á qua Mũi Hảo Vọng ở Châu Phi.

DỰ BÁO NHU CẦU TIÊU THỤ DẦU NĂM 2024

Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày

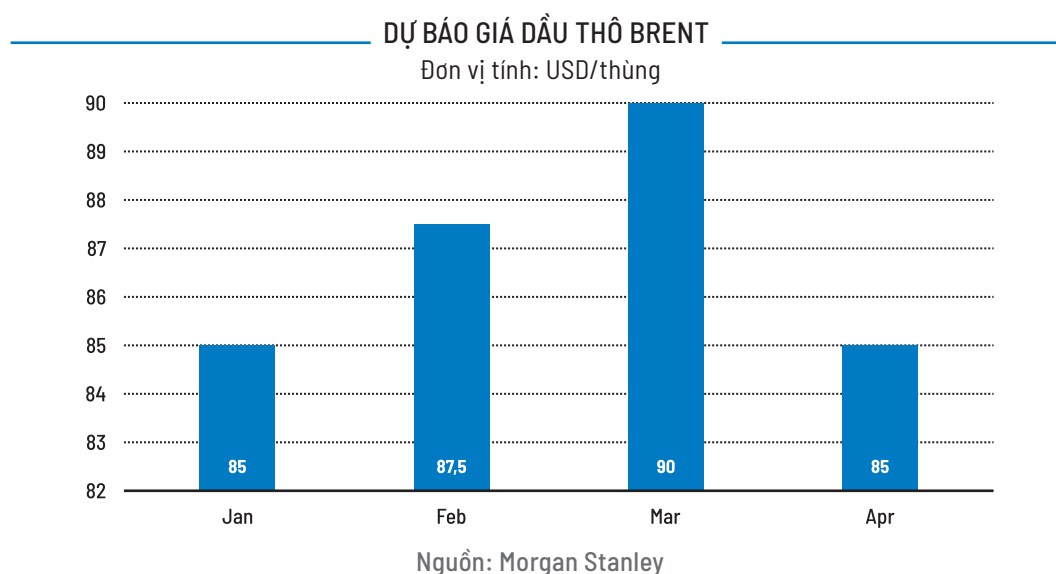


Nguồn: Monthly Oil Market

▪ **Diễn biến giá:**

IEA dự đoán giá dầu thô Brent sẽ đạt trung bình 88 USD/thùng trong quý II. Con số này tăng so với dự báo 84 USD/thùng chỉ 1 tháng trước.

Bên cạnh đó, trong tháng 3, Morgan Stanley cũng đã điều chỉnh dự báo giá dầu thô Brent cho các quý trong năm 2024. *Morgan Stanley dự báo quý I/2024 giá dầu thô Brent sẽ lên 85 USD/thùng, trong quý II/2024 giá dầu được dự báo sẽ đạt 87,5 USD/thùng*, cao hơn so với mức 82,5 USD/thùng được dự đoán trước đó.



ING Global Market Research cũng đưa ra dự báo khá sát với dự báo của Morgan Stanley, *ING Global Market Research dự báo giá dầu Brent từ 80 USD/thùng lên 87 USD/thùng trong quý II/2024 và từ 82 USD/thùng lên 88 USD/thùng trong quý III/2024.*

1.2.2. Thị trường trong nước

Năm 2024, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước dự báo tăng mạnh do nền kinh tế phục hồi, nhu cầu vận chuyển hàng hóa, đi lại tăng cao. Bên cạnh đó số lượng các phương tiện giao thông ngày một gia tăng nhanh cũng góp phần làm nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tăng cao.

Theo dự báo của Bộ Công Thương, tổng nguồn xăng dầu tối thiểu năm 2024 gần 28,42 triệu m³/tấn các loại (tăng 2,4 triệu m³/tấn so với năm 2023).

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung khí:*

Trong tháng 3, thị trường khí đốt toàn cầu có nhiều nguồn cung hơn sau khi nhu cầu yếu hơn dự kiến do mùa đông ôn hòa và lượng dự trữ cao ở Mỹ, châu Âu và Nhật Bản.

Tại Mỹ, các nhà khai thác khí đốt tự nhiên đã cắt giảm sản lượng và chi tiêu cho các giàn khoan do nguồn cung trên thị trường đang dư thừa. Trong khi đó, sự cố ngừng hoạt động tại các cơ sở hóa lỏng khí đốt toàn cầu, từ Malaysia đến Mỹ cũng đã khiến gián đoạn nguồn cung trên thị trường trong một thời gian ngắn.

Nguồn cung của Na Uy sang Châu Âu đã tăng nhanh trong tháng này do nguồn cung cấp đường ống Vesterled đã được định tuyến lại và sản lượng khí đốt tự nhiên hóa lỏng từ Na Uy ổn định. EU hiện đã giảm 80% nguồn cung khí đốt tự nhiên của Nga bằng đường ống và đang ra sức tìm kiếm các nguồn cung khác thay thế.

▪ *Cầu khí:*

Những khách hàng mua LNG nhạy cảm với giá từ Trung Quốc, Ấn Độ và một số khu vực ở Đông Nam Á đã tăng cường mua LNG giao ngay cho các ngành công nghiệp điện và sản xuất điện, sau khi giá giảm xuống mức thấp nhất trong gần ba năm.

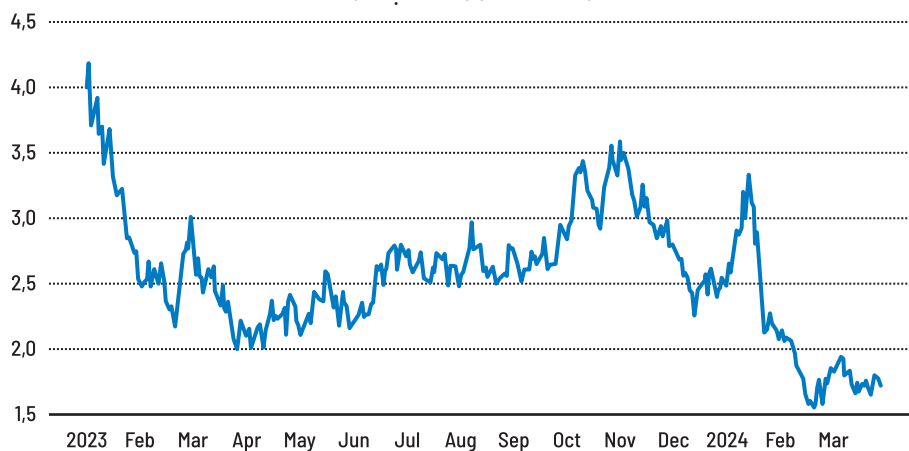
Trong khi đó, nhu cầu khí đốt tiếp tục suy yếu đặc biệt là tại các nước EU và Mỹ do thời tiết ấm áp và việc sản xuất điện từ năng lượng tái tạo cộng với khả năng sẵn có của năng lượng hạt nhân ngày càng tăng đã giúp giảm bớt một số áp lực đối với nhu cầu khí đốt tự nhiên.

▪ *Diễn biến giá:*

Giá khí đốt tự nhiên trong tháng 3 tiếp tục xu hướng lao dốc do thời tiết ôn hòa hơn và nhu cầu thấp hơn dự kiến trước đó. Nguồn cung tiếp tục tăng, đặc biệt là ở Mỹ, cũng góp phần đẩy giá khí đốt trên toàn cầu xuống thấp nhất trong ba thập kỷ.

DIỄN BIẾN GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/mmBTU



Nguồn: Investing

2.1.2. Thị trường trong nước

Giá cả tăng cao, biến động mạnh cộng với nhu cầu chưa phục hồi, không chắc chắn đẩy thị trường rơi vào trạng thái tâm lý dè dặt, kinh doanh thận trọng, mua bán cầm chừng. Cạnh tranh tiếp tục diễn ra khốc liệt, cước vận tải nội địa theo hướng tăng cao càng làm cho thị trường kinh doanh khí trầm lắng.

Đặc biệt trong tháng 3, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) đã chính thức triển khai cung cấp LNG (Liquefied Natural Gas - khí tự nhiên hóa lỏng) phục vụ sản xuất công nghiệp kể từ ngày 15/3. Như vậy, PV GAS là doanh nghiệp đầu tiên của Việt Nam chính thức phân phối LNG phục vụ sản xuất công nghiệp.

Hiện nguồn cung gas nội địa chỉ đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu tiêu dùng, nên giá gas trong nước vẫn chịu ảnh hưởng bởi thị trường quốc tế và tỷ giá. Mặc dù giá nhập khẩu gas thế giới theo hợp đồng (giá CP) cho tháng 3 chính thức chốt ở mức 635\$ bằng với tháng trước nhưng tỷ giá USD/VND tăng nên giá gas tháng 3 trong nước được điều chỉnh tăng khoảng 1.000 đồng/bình 6kg, tăng 2.000 đồng/bình 12kg và tăng 8.000 đồng/bình 45kg. Giá gas bán lẻ trong nước đã tăng tháng thứ ba liên tiếp kể từ đầu năm đến nay.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung khí:

Giá thấp khiến các nhà sản xuất khí cắt giảm sản lượng và có thể gây thiếu hụt nguồn cung trong một thời gian dài. *Theo dự báo của tổ chức nghiên cứu về năng lượng Wood Mackenzie, tăng trưởng nguồn cung LNG toàn cầu sẽ vẫn ở mức 14 triệu tấn trong năm 2024*, tuy nhiên nhu cầu LNG của châu Á dự báo vẫn còn yếu và sự cạnh tranh về LNG khó có thể nóng lên.

▪ Cầu khí:

Trung Quốc và Châu Âu được dự báo sẽ là những yếu tố thúc đẩy nhu cầu LNG lớn nhất.

Wood Mackenzie dự báo năm 2024 nhu cầu về khí tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) toàn cầu sẽ giảm. Trong đó, nhu cầu khí đốt hộ gia đình ở châu Âu sẽ tăng 12 tỷ m³ (bcm) vào năm 2024, trong điều kiện thời tiết bình thường, trong khi nhu cầu công nghiệp sẽ tăng 5,5 bcm khi nền kinh tế EU phục hồi trong nửa cuối năm nay. Tuy nhiên, lượng khí đốt dùng để phát điện sẽ ít hơn 9 bcm, nghĩa là nhu cầu tổng thể của châu Âu sẽ tăng thêm 9 bcm.

Ngoài ra, *Wood Mackenzie dự đoán nhu cầu khí đốt ở châu Á năm 2024 sẽ tăng 12,5 triệu tấn, tương đương 5% so với năm 2023, nhưng vẫn sẽ thấp hơn gần 3 triệu tấn so với năm 2021.*

▪ Diễn biến giá:

Với dự báo thời tiết tương đối ôn hòa, nhu cầu về nhiên liệu sưởi ấm dự kiến sẽ vẫn ở mức thấp, có khả năng khiến giá khí đốt và khí tự nhiên hóa lỏng LNG tiếp tục giảm.

2.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo trong vài năm tới, Việt Nam có thể có thêm một số nguồn khí từ một số bể nhỏ như Kinh Ngư Trắng ở vùng biển Đông Nam Bộ, như cũng như Nam Du - U Minh và Khánh Mỹ ở vùng biển Tây Nam, nhưng tổng nguồn cung của các bể khí nổi bật trong nước dự kiến vẫn sẽ giảm khoảng 500 triệu m³/năm trong 2-3 năm tới. Nhờ đó, mảng LNG sẽ là nguồn bổ sung chủ yếu bù đắp cho sự sụt giảm nguồn cung trong nước trong những năm tới.

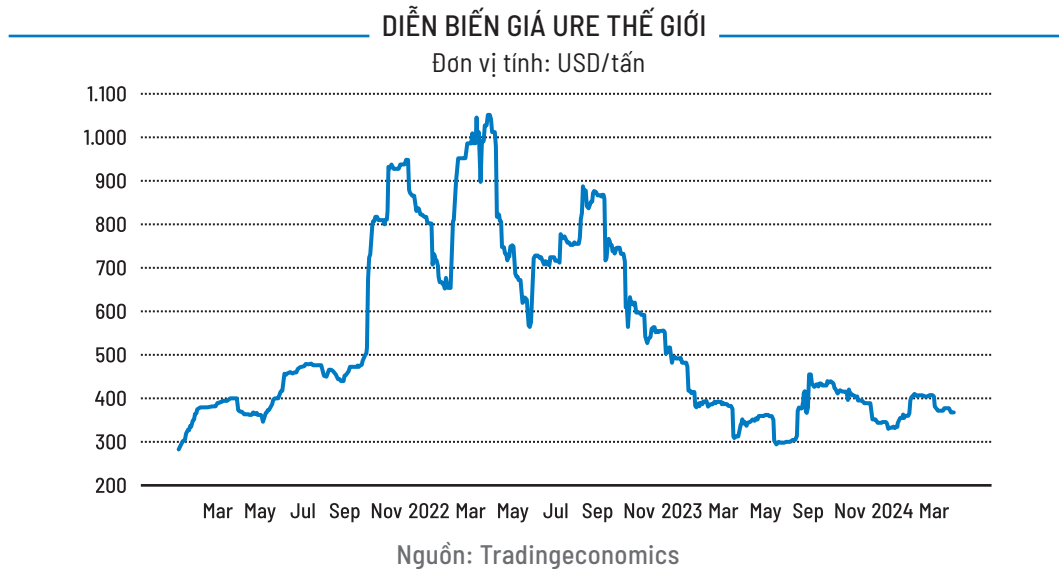
3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Nguồn cung ure thế giới tiếp tục bị thắt chặt do hai nhà cung cấp lớn của thế giới là Trung Quốc và Nga vẫn hạn chế xuất khẩu. Tuy nhiên, sản lượng sản xuất ure tại thị trường nội địa Trung Quốc lại tăng mạnh nhằm chuẩn bị nguồn cung chăm bón cho lúa vụ Xuân.

Trong tháng 3, xu hướng thị trường ure thế giới vẫn chưa rõ ràng khi giá ure vẫn tăng giảm trái chiều tại nhiều khu vực.



3.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 3, sức tiêu thụ nhiều loại phân bón khá chậm.

Tại miền Bắc, nhu cầu phân bón thấp do thời tiết mưa rét, người dân chưa vội chăm bón cho lúa Đông Xuân, chờ thời tiết ấm hơn.

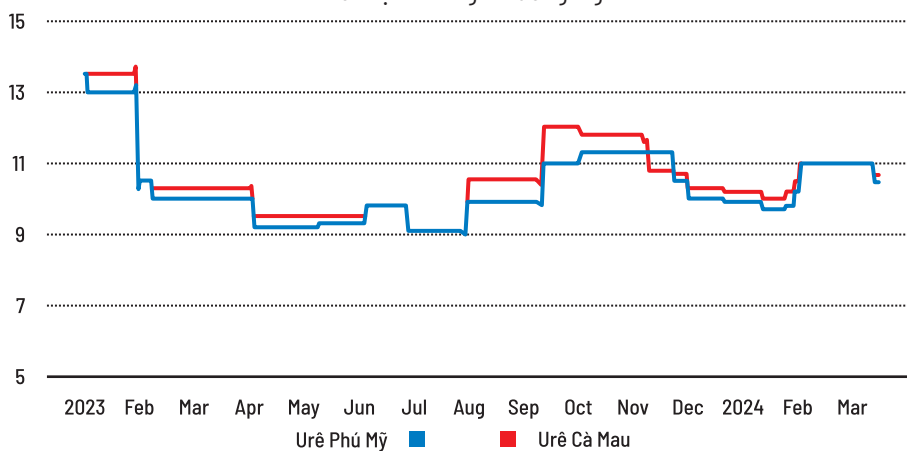
Tại miền Trung, tiêu thụ chậm do nhu cầu phân bón cho lúa Đông Xuân cũng rải rác.

Tại miền Đông và Tây Nguyên, nhu cầu cho cây công nghiệp và cây ăn trái ở mức thấp do đang trong mùa khô, nông dân hạn chế bón phân cho cây trồng.

Hiện các nhà máy sản xuất phân ure trong nước đang trong thời điểm trả đơn hàng xuất khẩu nên nguồn cung có sẵn trên thị trường không dồi dào. Tuy nhiên, với nhu cầu chăm bón cho lúa vẫn ở mức thấp nên giá phân bón chỉ giảm nhẹ so với tháng trước.

DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN URE TRONG NƯỚC TỪ ĐẦU NĂM 2023 ĐẾN NAY

Đơn vị tính: Nghìn đồng/kg



Nguồn: Wigroup

3.2. Dự báo

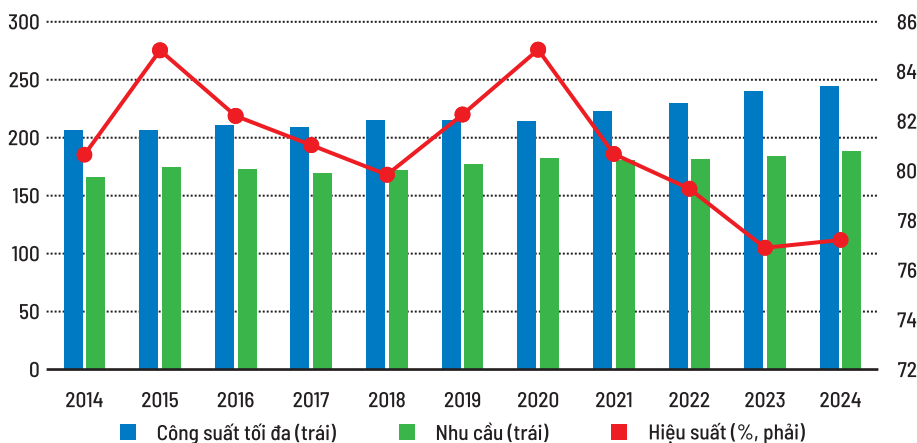
3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Dự báo thị trường phân ure thế giới sẽ sôi động hơn từ nửa sau năm 2024 khi các nhà tiêu thụ lớn gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ, Brazil và châu Âu đồng loạt quay trở lại đấu thầu để đảm bảo nguồn cung phân bón cho giai đoạn cao điểm gieo hạt vụ Hè -Thu.

Theo dự báo của các tổ chức quốc tế cho thấy sản lượng phân bón toàn cầu sẽ tăng khoảng 1,8% đến 5% trong năm 2024.

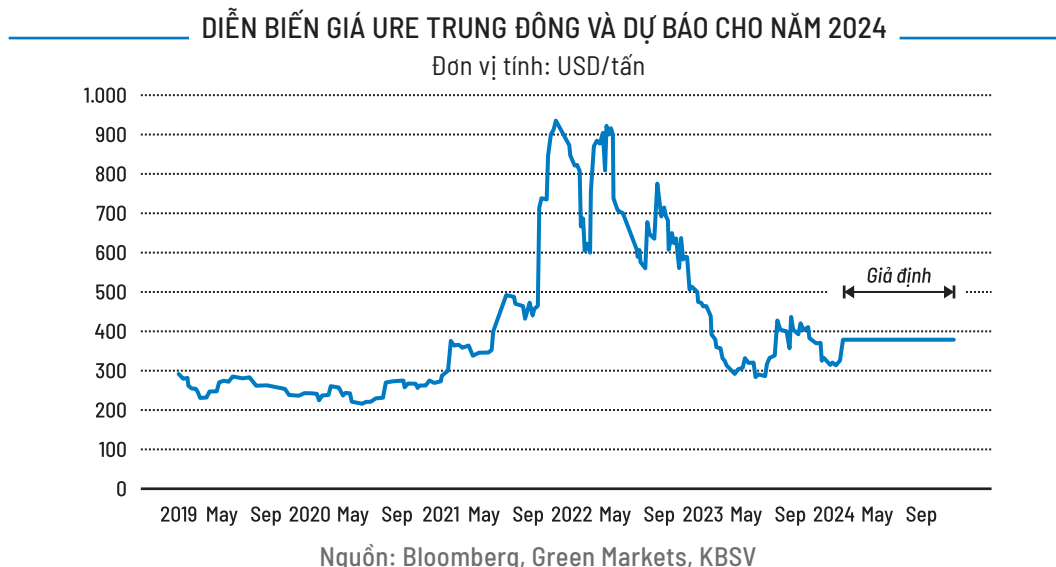
DỰ BÁO CUNG, CẦU, VÀ HIỆU SUẤT TIÊU THỤ CỦA CÁC NHÀ SẢN XUẤT URE NĂM 2024

Đơn vị tính: Triệu tấn



Nguồn: Bloomberg, Green Markets, KBSV

Nhu cầu tăng trong khi nguồn cung bị thắt chặt hơn sẽ thúc đẩy giá ure hồi phục trong năm 2024.



3.2.2. Thị trường trong nước

Tại thị trường trong nước, dự báo nhu cầu tiêu thụ phân bón năm 2024 sẽ tăng chậm so với năm 2023. Nhu cầu tiêu thụ nội địa được dự đoán tăng vào quý IV/2023 và quý I/2024 khi bước vào vụ Đông Xuân, song vụ mùa năm nay đến trễ, bắt đầu cuối tháng 11.

Với diện tích gieo sạ lúa Đông Xuân 2023-2024 tại Đồng bằng Sông Hồng khoảng 2,36 triệu ha và tại các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc khoảng 1,22 triệu ha, ước tính tổng nhu cầu tiêu thụ phân bón (ure-NPK-Kali) tương ứng khoảng 250.000-295.000 tấn và 121.000-143.000 tấn, tương đương vụ Đông Xuân 2022-2023.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Theo số liệu từ Electricrate của Hoa Kỳ, tính đến hết tháng 3/2024, Đan Mạch là quốc gia có chi phí điện cao nhất thế giới với 0,53 (USD/kWh), tiếp đến là Đức, Anh, Áo, Ý...

Trong đó, giá điện bán buôn trung bình của Ý cao nhất trong số các thị trường lớn ở châu Âu trong 3 năm qua do sự phụ thuộc đáng kể vào khí đốt tự nhiên để sản xuất điện so với các nền kinh tế đối thủ, với giá bán buôn tháng trước trung bình cao hơn gần 40% so với giá ở Pháp và cao hơn 60% so với giá bán buôn ở Tây Ban Nha.

Trên thế giới tình trạng thiếu điện trầm trọng vẫn xảy ra ở nhiều quốc gia như Pakistan, Syria, Ukraina... do chiến sự kéo dài.

Tại châu Á, Trung Quốc cũng phải đối diện với vấn đề khan hiếm điện nghiêm trọng nhất trong 10 năm qua do điều kiện khí hậu khắc nghiệt, nhu cầu sử dụng tăng cao, và việc sử dụng than đá bị hạn chế nghiêm ngặt.

4.1.2. Thị trường trong nước

Nhu cầu tiêu thụ điện trong nước tăng mạnh trong tháng 3, vượt xa mức dự báo tăng trưởng tiêu theo Kế hoạch vận hành hệ thống điện của năm 2024, do Bộ Công thương ban hành tại Quyết định số 3110/QĐ-BCT hồi tháng 11/2023. Nguyên nhân do sự tăng trưởng mạnh của các nhóm ngành công nghiệp và nền nhiệt độ nhiều khu vực tăng cao. Đặc biệt, nắng nóng gay gắt kéo dài, sản lượng điện các tỉnh, thành phố phía Nam tiếp tục tăng cao. Trong 18 ngày đầu tháng 3, sản lượng điện bình quân tại TP. HCM đã tăng lên 81,89 triệu kWh/ngày, tăng cao so với 74,42 triệu kWh/ngày của cùng kỳ năm 2023.

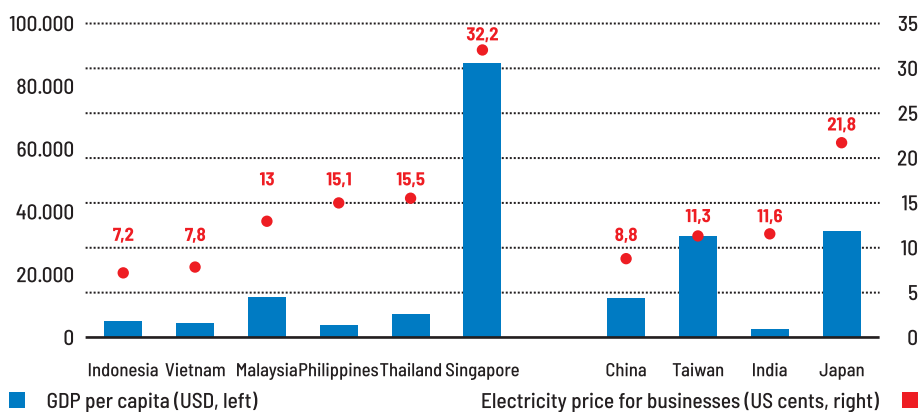
Trong 3 tháng đầu năm 2024, tổng sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu hệ thống điện quốc gia đạt khoảng 69,2 tỷ kWh, cao hơn 1,2 tỷ kWh so với kế hoạch năm 2024 và tăng trưởng 11,6% so với năm 2023.

Đáng chú ý trong tháng qua, sự kiện hưởng ứng Giờ Trái đất từ 20h30 đến 21h30 ngày 23/3, cả nước đã tiết kiệm được sản lượng điện là 428.000 kWh.

Bên cạnh đó, ngày 26/3, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái đã ký ban hành Quyết định số 05/2024/QĐ-TTg quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân. Theo quy định mới, thời gian điều chỉnh giá bán điện bình quân tối thiểu là 3 tháng kể từ lần điều chỉnh giá điện gần nhất.

Giá điện sinh hoạt tháng 3 tăng 0,47% so với tháng trước. Tuy nhiên, hiện nay giá điện tại Việt Nam được đánh giá là tương đối thấp, giá điện cho các doanh nghiệp Việt Nam hiện thấp hơn 38% so với giá trung bình Đông Nam Á.

**GIÁ ĐIỆN CHO DOANH NGHIỆP
TẠI VIỆT NAM SO SÁNH VỚI MỘT SỐ NƯỚC TRONG KHU VỰC**



Nguồn: Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Tổ chức Ember dự báo nhu cầu điện tại EU có thể tăng khoảng 2 đến 3% vào năm 2024 so với năm 2023, trong bối cảnh điện khí hóa diễn ra nhanh chóng và lạm phát giảm. Ember dự báo khoảng 1% các nhà máy điện than ở EU (21 GW công suất tích lũy, bao gồm 10 GW tại Đức) dự kiến sẽ đóng cửa vào năm 2024 và 2025.

Ngoài ra, xu hướng các nhà máy điện chuyển đổi từ than sang khí cũng được dự báo sẽ tăng mạnh trong năm 2024 trên toàn cầu, nhất là ở các quốc gia sở hữu cả hai loại nguồn phát than và khí đốt như Đức, Ba Lan và Hà Lan, cũng như các nước sản xuất than lớn, đồng thời có năng lực truyền tải để nhập khẩu khí đốt như Cộng hòa Séc, Hi Lạp, Rumani và Bulgari.

4.2.2. Thị trường trong nước

Trong các tháng tới, nhiệt độ nhiều khu vực được dự báo sẽ tăng cao do bước vào đợt cao điểm mùa hè, thêm vào đó kinh tế phục hồi, nhu cầu tiêu dùng điện cho sản xuất, kinh doanh tăng mạnh dẫn đến khả năng có thể xảy ra tình trạng thiếu hụt điện tại các thành phố lớn.

Miền Trung và miền Nam được dự báo có thể đảm bảo cung ứng đủ điện trong tháng 4-6/2024, nhưng do không có nguồn dự phòng nguồn nên nếu các yếu tố bất lợi cùng xảy ra thì có thể sẽ thiếu điện trong các giai đoạn cao điểm. Dự báo sản lượng điện nhận bình quân ngày của các tháng từ tháng 4 đến tháng 6 tại riêng TP.HCM sẽ tiếp tục tăng cao, đạt 84,3 - 87,6 triệu kWh/ngày. Dự báo đỉnh điểm trong tháng 4 và tháng 5/2024 sẽ có một số ngày điện nhận có thể vượt trên 95 triệu kWh/ngày. Đây sẽ là mức cao nhất, chưa từng có trong lịch sử tại TP.HCM.

Tại miền Bắc, tình trạng thiếu điện được dự báo sẽ không căng thẳng như năm 2023, trong kịch bản kém quan nhất, khả năng thiếu điện trong tháng 6-7/2024 ở miền Bắc dao động từ 420-1.770 MW, chỉ tương đương 1/3 lượng điện thiếu hụt trong tháng 5-6/2023.



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 3/2024 với nhiều diễn biến phức tạp, khó dự báo đang tạo ra nhiều thách thức và cơ hội mới cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng như PVN. Điều này đòi hỏi PVN cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho PVN, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:

- *Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát và quản trị rủi ro, tăng cường sử dụng các công cụ tài chính như hạn mức, lãi suất... tận dụng thời điểm lãi suất vay ngắn hạn VND thấp, tái cơ cấu các khoản vay nhằm tăng cường thanh khoản, dòng tiền khả dụng, bổ sung nguồn vốn lưu động, giảm chi phí vốn vay và duy trì chỉ tiêu cao về kế hoạch thu cổ tức lợi nhuận của các đơn vị thành viên. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng cần xem xét đẩy mạnh quá trình triển khai các phương thức quản trị mới như quản trị chuỗi giá trị, quản trị hệ sinh thái trong và ngoài Tập đoàn, từ đó giúp Tập đoàn tối ưu hóa hoạt động sản xuất, kinh doanh.*
- *Tìm kiếm và khai thác các cơ hội hợp tác quốc tế, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ, kết hợp với chủ động tham gia vào các liên doanh và đối tác chiến lược toàn cầu để chia sẻ nguồn lực và tiếp thu những kiến thức, công nghệ hiện đại trên thế giới.*
- *Tiếp tục tối ưu hoạt động khai thác, áp dụng các giải pháp hạn chế ã suy giảm sản lượng tự nhiên, cùng với việc thúc đẩy tìm kiếm các mỏ mới để đảm bảo và nâng cao sản lượng khai thác.*
- *Tích cực tham gia vào các cuộc đàm phán thương mại với các bên liên quan nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án cấp bách, dự án trọng điểm như chuỗi Dự án khí điện Lô B - Ô Môn, Dự án Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 3, 4 và Dự án Nhà máy nhiệt điện Long Phú, đồng thời tập trung nguồn lực vào việc tìm kiếm, đưa ra giải pháp, sáng kiến mới để khắc phục khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện dự án.*
- *Chú trọng công tác nghiên cứu khoa học, nhất là nghiên cứu khoa học dài hạn. Tập trung nghiên cứu ứng dụng công nghệ, bổ sung các động lực mới (năng lượng mới, vật liệu mới, công nghiệp năng lượng) gắn với dịch chuyển mô hình kinh doanh của Tập đoàn trong xu hướng dịch chuyển năng lượng, chuyển đổi xanh hiện nay.*
- *Đẩy mạnh công tác xây dựng và tái tạo văn hóa Petrovietnam, thúc đẩy các giải pháp nâng tầm văn hóa Petrovietnam, đặc biệt tăng cường phát triển công tác truyền thông nội bộ, làm mới các giá trị văn hóa, hình thành các giá trị văn hóa mới phù hợp với chiến lược phát triển chung của toàn Tập đoàn.*

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2024

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 3 NĂM 2024

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 3 năm 2024	Quý I năm 2024	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a				5,66	
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a				105,7	
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới	DN	14.100	59.900	164,3	99,3		105,1
3.2	Quay lại hoạt động	DN	3.000		56,6	48,0		
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN		73.900				122,8
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	4.139		80,4	99,8		
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	4.980		231,3	144,3		
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.412		93,8	100		
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ		613,9				105,2
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ						
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD		6,17				113,4
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD		4,63				107,1
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	509,3	1.537,6	100,5	109,2		108,2
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa							
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	34,01	93,06	137,8	114,2		117
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	31,08	84,98	133,4	109,7		113,9
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 2,93	Xuất siêu 8,08				
7	Chỉ số giá							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				99,77	103,97	103,77	101,12
7.2	Chỉ số giá vàng				104,59	122,71	118,23	109,41
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,88	104,32	103,97	101,81
7.4	Lạm phát cơ bản				100,03	102,76	102,81	

A: Tháng 3/2024 so với tháng 2/2024

B: Tháng 3/2024 so với tháng 3/2023

C: Quý I/2024 so với cùng kỳ năm 2023

D: Tháng 3/2024 so với tháng 12/2023



Ảnh bìa: Quý I/2024, tổng kim ngạch XNK hàng hóa của Việt Nam đạt 178,04 tỷ USD, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước.

CMIT



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện